

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU
VIỆT NAM**



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÀ RỊA**

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
LỜI MỞ ĐẦU	5
PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA	6
I. Căn cứ quy định pháp luật về cổ phần hóa	6
II. Tài liệu chỉ đạo cổ phần hóa	7
III. Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	8
IV. Đơn vị tư vấn cổ phần hóa	8
PHẦN II: THỰC TRẠNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	9
I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	9
1. Tổng quan về doanh nghiệp	9
2. Ngành nghề kinh doanh	9
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	10
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	10
4.1. Những cột mốc quan trọng.....	10
4.2. Những thành tích nổi bật.....	11
4.3. Kết quả xếp loại doanh nghiệp.....	12
5. Các đơn vị liên kết và đầu tư tài chính.....	12
6. Các tổ chức chính trị xã hội	13
6.1 Đảng cộng sản Việt Nam	13
6.2 Tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.....	13
6.3 Tổ chức Công Đoàn	13
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	13
1. Thực trạng về cơ cấu và mô hình tổ chức quản lý	13
1.1. Cơ cấu mô hình tổ chức quản lý và chức năng nhiệm vụ phòng ban	13
1.2. Tình hình tổ chức và quản lý điều hành	21
2. Thực trạng về lao động.....	22
2.1. Tình hình lao động 03 năm trước cổ phần hóa	22
2.2. Tình hình lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	23
2.3. Đánh giá chung về lao động.....	23
3. Thực trạng về tài sản cố định	25
4. Thực trạng về tình hình tài chính 03 năm trước cổ phần hóa	25
4.1. Cơ cấu tài sản	25
4.2. Cơ cấu nguồn vốn	26
4.3. Tình hình công nợ	26
4.3.1. Công nợ phải thu	26
4.3.2. Công nợ phải trả.....	27
5. Thực trạng tình hình hoạt động SXKD 3 năm trước cổ phần hóa	27
5.1. Lĩnh vực hoạt động và sản phẩm dịch vụ chính.....	27

5.1.1. Sản phẩm chính.....	27
5.2. Nguồn nguyên vật liệu và yếu tố đầu vào.....	28
5.3. Thị trường, khách hàng và yếu tố cạnh tranh.....	28
5.4. Năng lực sản xuất chế biến và trình độ công nghệ máy móc thiết bị.....	29
5.5. Hoạt động nghiên cứu và phát triển.....	30
5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ.....	30
5.6.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.....	30
5.6.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng.....	31
5.7. Hoạt động marketing.....	31
5.8. Tóm tắt kết quả SXKD 3 năm trước cổ phần hóa.....	32
5.8.1. Tóm tắt kết quả SXKD 3 năm trước cổ phần hóa.....	32
5.8.2. Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác.....	34
5.8.3. Cơ cấu chi phí.....	35
5.8.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.....	35
5.9. Thực trạng việc quản lý và sử dụng đất trước cổ phần hóa.....	37
PHẦN III: GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH CÒN TỒN TẠI.....	39
I. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	39
II. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CẦN XỬ LÝ.....	41
PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	42
I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA.....	42
1. Mục tiêu cổ phần hóa.....	42
2. Yêu cầu cổ phần hóa.....	42
3. Hình thức cổ phần hóa.....	42
II. TÊN GỌI VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	42
1. Tên gọi, địa chỉ.....	42
2. Ngành nghề kinh doanh.....	43
III. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	43
1. Căn cứ xác định vốn điều lệ.....	43
2. Quy mô vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	44
2.1 Quy mô vốn điều lệ:.....	44
2.2 Cơ cấu vốn điều lệ.....	44
IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN CỔ PHẦN.....	45
1. Bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường.....	45
1.1. Quy mô chào bán.....	45
1.2. Phương thức chào bán và cơ quan thực hiện chào bán.....	45
1.3. Giá khởi điểm chào bán.....	45
2. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.....	46

2.1.	Mục tiêu chào bán cho nhà đầu tư chiến lược.....	46
2.2.	Cơ sở để đưa ra tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược	46
2.3.	Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cụ thể	46
2.4.	Các quy định đối với nhà đầu tư chiến lược	47
2.5.	Khối lượng cổ phần chào bán và số lượng nhà đầu tư chiến lược	47
2.6.	Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược.....	47
3.	Bán cho cán bộ công nhân viên.....	48
3.1.	Bán với giá ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.....	48
3.2.	Bán ưu đãi cho CBCNV với hình thức CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần.....	48
4.	Phương án xử lý cổ phần không bán hết.....	49
V.	PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA	49
VI.	PHƯƠNG ÁN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	50
VII.	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HÓA.....	52
1.	Kế hoạch sắp xếp lao động.....	52
2.	Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa	52
3.	Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động không có nhu cầu sử dụng	53
4.	Kế hoạch đào tạo	55
VIII.	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA.....	56
IX.	PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SXKD SAU CỔ PHẦN HÓA.....	66
1.	Định hướng, mục tiêu và chiến lược phát triển sau cổ phần hóa	66
2.	Về nguồn nhân lực:	67
3.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa.....	67
3.	Giải pháp thực hiện	71
3.1.	Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm	71
3.2.	Nhóm giải pháp về đầu tư	71
3.3.	Nhóm giải pháp về vốn, tài chính	73
3.4.	Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ	75
3.5.	Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực	75
3.6.	Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp	78
3.7.	Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy	80
X.	PHƯƠNG ÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG TẬP TRUNG	81
XI.	NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ RỦI RO DỰ KIẾN.....	81
V.	TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT.....	83
VI.	KẾT LUẬN	85

LỜI MỞ ĐẦU

Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mủ cao su.

Trong những năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn phát triển, tạo việc làm cho người lao động và đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, trình độ công nghệ, năng suất lao động còn thấp, sức cạnh tranh còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

Đứng trước cơ hội và thách thức của nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp đòi hỏi phải tự đổi mới và được đổi mới để nhanh chóng thích nghi và đứng vững trong sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Do vậy, chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là một chủ trương đúng đắn, mang lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế nói chung và huy động được nguồn vốn từ các thành phần kinh tế, tạo nên sự đa sở hữu trong doanh nghiệp sau khi cổ phần, làm cho Công ty cổ phần có một sức sống mới, nâng cao sức cạnh tranh và sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả hơn.

Việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa cũng nhằm huy động vốn của các nhà đầu tư, nâng cao năng lực về tài chính, đổi mới phương thức quản trị của Công ty, phát huy truyền thống của doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, mở rộng phạm vi hoạt động nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai, đóng góp được nhiều hơn cho nhà nước và cho xã hội.

PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA

I. Căn cứ quy định pháp luật về cổ phần hóa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Nghị định số 63/2015/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phương pháp xác định giá trị rừng trồng, vườn cây để sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty Nông, Lâm nghiệp;
- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

II. Tài liệu chỉ đạo cổ phần hóa

- Công văn số 883/TTg-ĐMDN ngày 11/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2014 – 2015;
- Công văn số 9843/VPCP-ĐMDN ngày 09/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa hai Công ty TNHH Một thành viên Cao su Tân Biên và Bà Rịa sang năm 2015;
- Quyết định số 669/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc cổ phần hóa chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 966/QĐ-CSBR ngày 20/06/2015 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa về việc thành lập đoàn kiểm kê phục vụ công tác cổ phần hóa;
- Quyết định số 3361/QĐ-BTC ngày 29/12/2014 của Bộ Tài chính về việc công bố tổ chức tư vấn định giá được phép cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa năm 2015;
- Quyết định số 16/QĐ-HĐTVCSVN ngày 23/01/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc chỉ định đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa;
- Quyết định số 23/QĐ-HĐTVCSVN ngày 23/01/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc chỉ định đơn vị tư vấn cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa;
- Quyết định số 26/QĐ-CSVN ngày 15/01/2015 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thành lập tổ cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa;
- Quyết định số 1005B/QĐ-CSBR ngày 15/06/2015 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa về việc thành lập tổ giúp việc cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Công văn số 10486/VPCP-ĐMDN ngày 16/12/2015 của Văn phòng chính Phủ về Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa;
- Quyết định số 446/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa – Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam;
- Quyết định số 446A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa

III. Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

- Tên công ty:	Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá AAFC
- Địa chỉ:	Số 61 ngõ 82 Phố Chùa Láng – P. Láng Thượng – Q. Đống Đa – TP. Hà Nội
- Trách nhiệm:	Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

IV. Đơn vị tư vấn cổ phần hóa

- Tên công ty:	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Địa chỉ:	Tầng 12, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Chi nhánh:	Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.
- Trách nhiệm:	Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng Phương án cổ phần hóa

PHẦN II: THỰC TRẠNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tổng quan về doanh nghiệp

- Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa
- Tên giao dịch quốc tế: BARUCO
- Tên viết tắt tiếng Anh: BARIA RUBBER COMPANY LIMITED
- Địa chỉ: Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại: (064) 3881964 Fax: (064) 3881169.
- Email: vanphong@baruco.com.vn
- Website: www.baruco.com.vn
- Biểu tượng:



2. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su; buôn bán mủ cao su sơ chế
- Xây dựng công trình dân dụng qui mô nhỏ;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng của ngành cao su: san đắp đồng, ruộng, thi công đường đất, đường rải đá, san nền, hệ thống tưới tiêu;
- Kinh doanh khách sạn: Cơ sở lưu trú, ăn uống, bán hàng lưu niệm và dịch vụ khác cho khách du lịch; vận tải khách du lịch; kinh doanh du lịch lữ hành trong nước;
- Kinh doanh: Tư liệu sản xuất phục vụ sản xuất và các tư liệu tiêu dùng phục vụ sinh hoạt.
- Làm đại lý ký gửi hàng hóa và dịch vụ thương mại
- Đầu tư tài chính
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Sản phẩm của Công ty là cao su thiên nhiên sơ chế dạng khối, với các chủng loại SVR CV 60, SVR CV 50, SVR 3L, SVR 5, SVR 10, phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3769:2004. Sản phẩm của Nhà máy Xà Bang có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm của công ty khá đa dạng, có thể mạnh đối với sản phẩm SVR CV50, SVR CV 60, SVR 3L là những sản phẩm cao cấp dành cho các thị trường khó tính. Chất lượng sản phẩm của Công ty được các khách hàng đánh giá cao, thương hiệu sản phẩm của Nhà máy Xà Bang sản xuất được các khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.

4. Quá trình hình thành và phát triển

4.1. Những cột mốc quan trọng

Công ty Cao su Bà Rịa là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, thành viên của Hiệp hội Cao su Việt Nam, được thành lập ngày 11/6/1994 theo Quyết định số 362/QĐ/TCCB/NN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm 04 Nông trường: Xà Bang, Cù Bị, Bình Ba (huyện Châu Đức) và Nông trường Hòa Bình (huyện Xuyên Mộc). Thời điểm mới thành lập, Công ty quản lý tổng diện tích 13.594 hecta với hơn 5.000 lao động. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính là: Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên. Sau này, Công ty thành lập thêm Xí nghiệp chế biến; đầu tư, liên doanh, liên kết với các đơn vị bạn và tiếp nhận, kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch do Tổng Công ty Cao su Việt Nam chuyển giao.

Ngày 01/5/2004, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và Tổng Công ty Cao su Việt Nam, Công ty cao su Bà Rịa cổ phần hóa một bộ phận của doanh nghiệp là Nông trường Hòa Bình và Nhà máy chế biến cao su Hòa Bình để thành lập Công ty cổ phần cao su Hòa Bình với vốn chi phối ban đầu của Nhà nước chiếm 70%. Sau khi cổ phần, đơn vị này đi vào hoạt động có hiệu quả, nguồn vốn của doanh nghiệp, nghĩa vụ giao nộp ngân sách và đặc biệt là đời sống vật chất của người lao động được cải thiện một bước khá cao. Hiện nay, Công ty cổ phần cao su Hòa Bình đã được chuyển giao cho Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam trực tiếp quản lý.

Tháng 5/2009, thực hiện chủ trương phát triển, đầu tư ra nước ngoài của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Công ty Cao su Bà Rịa đã triển khai dự án phát triển cao su tại Vương quốc Campuchia với tổng vốn đầu tư gần 600 tỷ đồng (tương đương 35 triệu USD) trong đó vốn góp của Công ty Cao su Bà Rịa và Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình chiếm 70%; diện tích là 5.500 hecta; cây phát triển tốt, dự kiến đến năm 2016 sẽ bắt đầu khai thác. Ngoài ra, Công ty còn tham gia góp vốn tại các Công ty Cao su Việt - Lào; Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu; Lai Châu 2, Yên Bái v.v...; hiện nay Công ty cổ phần Cao su Việt - Lào đã bắt đầu khai thác sản phẩm, các dự án khác đang trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản và đều mang tính khả thi.

Ngày 24/12/2009, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã thông qua “Đề án chuyển đổi Công ty Cao su Bà Rịa thành Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa” và có Quyết định số 341/QĐ-HĐQTCSVN phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cao su Bà Rịa thành Công ty TNHH MTV và Quyết định số 347/QĐ-HĐQTCSVN ngày 24/12/2009 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su Bà Rịa. Kể từ ngày 01/01/2010, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

4.2. Những thành tích nổi bật

Công ty thực hiện sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp; Cơ cấu lại nguồn lực; Tổ chức lại sản xuất; Đầu tư tăng năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của Công ty. Công ty từng bước thực hiện mục tiêu "Công ty mạnh hơn, các doanh nghiệp mạnh hơn, hiệu quả hơn".

Công ty có đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật có kinh nghiệm ngành nghề sản xuất kinh doanh chính; Lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, có năng lực dự báo, hoạch định, năng lực tổ chức, quản lý và kinh doanh; Có nguồn nhân lực trẻ, nhiệt huyết, năng động.

Công ty có tình hình tài chính lành mạnh. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn Chủ sở hữu ở mức khá so với các công ty cùng ngành khác trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành nói riêng. Năm 2013 là năm thứ 03 liên tiếp Công ty có lãi kể từ khi chuyển sang hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thực hiện việc bảo toàn vốn có hiệu quả.

Điều kiện làm việc, đời sống và thu nhập của người lao động được cải thiện; Giữ vững tổ chức, kỷ luật và ổn định chính trị nội bộ.

Quá trình xây dựng và phát triển của Công ty đã được Đảng, Nhà nước và các Bộ Ngành Trung ương, chính quyền địa phương ghi nhận tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- Huân chương Lao động Nhất, Nhì, Ba
- Huân chương Chiến công hạng Ba
- Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba
- 04 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 09 Bằng khen cấp Bộ (Bộ NN&PTNT, Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng,...)
- 16 Bằng khen của UBND tỉnh.
- 10 Cờ thi đua của UBND tỉnh

- 11 Cờ thi đua của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
- 01 Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Những thành tích tiêu biểu của các đơn vị:

- Nông trường Xà Bang: đơn vị đầu tiên của ngành được nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng lao động, huân chương chiến công hạng 3.
- Nông trường Cù Bị: đạt danh hiệu anh hùng lao động thời kỳ đổi mới; Huân chương lao động hạng nhất
- Nông trường Bình Ba: được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Huân chương lao động hạng 3.

4.3. Kết quả xếp loại doanh nghiệp

Căn cứ vào các quy định đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại Thông tư số 158/2013/TT-BTC và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các chỉ tiêu năm 2013 của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa đều đạt và vượt kế hoạch xếp loại A (tổng doanh thu, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, khả năng thanh toán nợ đến hạn). Riêng chỉ tiêu chấp hành chế độ chính sách xếp loại C. Vì vậy cả năm 2013 Công ty tự xếp loại doanh nghiệp loại B, các năm còn lại đều xếp loại A. Xếp hạng doanh nghiệp: hạng 1 theo đánh giá của Bộ Lao động & Thương binh xã hội.

5. Các đơn vị liên kết và đầu tư tài chính

STT	Diễn Giải	Giá trị sổ sách
I	Đầu tư vào Công ty con	0
II	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	283.766.800.000
1	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa - Kampongthom	283.766.800.000
III	Đầu tư dài hạn khác	320.002.974.983
1	Công ty CP Cao su Việt Lào	116.250.000.000
2	Công ty CP Cao su Lai Châu	102.590.419.983
3	Công ty CP Cao su Lai Châu II	53.516.950.000
4	Công ty CP Khu công nghiệp Long Khánh	15.200.000.000
5	Công ty CP Cao su Yên Bái	32.445.605.000
	Tổng cộng	603.769.774.983

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty

6. Các tổ chức chính trị xã hội

6.1 Đảng cộng sản Việt Nam

Đảng bộ Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa là Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu. Tính tới ngày 31/12/2014, Đảng bộ Công ty có 527 đảng viên đang sinh hoạt tại Đảng bộ Công ty và 32 Chi bộ, 7 Chi đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Công ty, trong đó có 101 đảng viên nữ.

6.2 Tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa là Đoàn trên cơ sở trực thuộc Đoàn thanh niên Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tính tới ngày 31/12/2014, Công ty có 293 đoàn viên đang sinh hoạt tại 03 Cơ sở đoàn và 19 Chi đoàn trực thuộc Đoàn ủy Công ty, trong đó có 19 đoàn viên nữ.

6.3 Tổ chức Công Đoàn

Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa là Công đoàn trực thuộc Công đoàn Cao su Việt Nam, tính tới ngày 31/12/2014 Công đoàn Công ty có 2.305 đoàn viên tham gia tổ chức Công đoàn Công ty, 07 Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Công ty và 87 tổ công đoàn cơ sở trực thuộc, trong đó có 745 đoàn viên nữ.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Thực trạng về cơ cấu và mô hình tổ chức quản lý

1.1. Cơ cấu mô hình tổ chức quản lý và chức năng nhiệm vụ phòng ban

(Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty thể hiện ở phụ lục đính kèm).

Công ty TNHH một thành viên Cao su Bà Rịa có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm:

- Hội đồng Thành viên 05 người, gồm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên.
- Kiểm soát viên: Gồm 3 thành viên
- Ban Tổng Giám đốc: gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
- Kế toán trưởng.
- Bộ máy giúp việc.

Trong đó:

Kiểm soát viên không kiêm nhiệm thành viên Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty được sắp xếp theo yêu cầu hoạt động kinh doanh, phù hợp với điều lệ của Công ty. Bộ máy giúp việc trực thuộc Công ty gồm:

- Phòng Tổ chức - Hành Chánh.
- Phòng Tài chính - Kế toán.
- Phòng Kế Hoạch - Xây dựng cơ bản.
- Phòng Thanh tra - Bảo vệ.
- Phòng Kỹ thuật.
- Phòng Quản lý chất lượng.

Chức năng nhiệm vụ

Hội đồng thành viên Công ty: là Cơ quan đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn tại Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty và của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác. Có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên Tập đoàn.

Kiểm soát viên Công ty: Kiểm tra, giám sát việc quản lý và điều hành của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty và Doanh nghiệp thành viên, đơn vị phụ thuộc.

Tổng Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ Công ty và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc Công ty: Giúp Tổng Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng Giám đốc Công ty phân công hoặc ủy quyền, phù hợp với Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Kế toán trưởng Công ty: Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty; giúp Tổng Giám đốc Công ty giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty, trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành Công ty cũng như trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, của cổ đông, của thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác.

Công ty có 06 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc như sau:

Phòng Tổ chức – Hành chính

Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc Công ty theo phân cấp về lĩnh vực tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công nhân viên chức lao động; đào tạo; thi đua khen thưởng; lao động tiền lương, tiền công; việc làm, đào tạo nghề cho người lao động; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; an toàn, vệ sinh lao động; hành chính – quản trị, lễ tân khánh tiết, thư ký - tổng hợp, văn thư lưu trữ; công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

Phòng Kế hoạch - Xây dựng cơ bản

Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc Công ty theo phân cấp về công tác kế hoạch, kinh doanh, đầu tư và công tác xây dựng cơ bản của Công ty.

Phối hợp với các phòng nghiệp vụ của Công ty xây dựng quy hoạch, định hướng chiến lược phát triển, các kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm (kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, giá thành; cung ứng nguyên, nhiên vật liệu, máy móc thiết bị ...) của Công ty. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển phù hợp với từng thời kỳ phát triển theo mục tiêu của Công ty đặt ra. Theo dõi, kiểm tra và đề xuất các biện pháp thúc đẩy việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được Công ty xác định;

Hàng năm, cùng với các phòng nghiệp vụ Công ty và các đơn vị trực thuộc xây dựng đồng bộ các kế hoạch: Kế hoạch sử dụng vốn (gồm cả vốn ngoại tệ), kế hoạch vật tư - kho hàng - vận tải, kế hoạch sản xuất - nghiên cứu kỹ thuật, kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch xây dựng tiền lương, kế hoạch tiếp thị và liên kết kinh tế, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch xây dựng cơ bản ...;

Tham mưu cho lãnh đạo Công ty giao kế hoạch và xét duyệt mức độ hoàn thành kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. Giúp Lãnh đạo Công ty kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, phát hiện các vấn đề và đề xuất giải quyết;

Lập kế hoạch đấu thầu và quy trình tổ chức đấu thầu đúng theo luật định trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt; thẩm định, kiểm tra quá trình thực hiện đấu thầu tư vấn, mua

sắm vật tư, thiết bị, hàng hóa; đề xuất lãnh đạo biện pháp xử lý trong trường hợp có biểu hiện vi phạm các quy định về đấu thầu. Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty kiểm tra tình hình mua bán vật tư, thiết bị theo quy định của Công ty;

Theo dõi, đánh giá và đề xuất với Lãnh đạo Công ty trong việc lựa chọn các nhà thầu chính, thầu phụ mua bán với Công ty;

Tham gia quản lý các vấn đề về giá cả và cung cấp các mặt hàng theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty;

Lập và quản lý các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc mua, bán vật tư, máy móc thiết bị và sản phẩm mủ cao su, cây cao su...;

Quản lý, theo dõi việc cấp phát, khoán vật tư cho nhu cầu sản xuất Công ty theo tiến độ kế hoạch;

Tham gia giám định hiện trạng, lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các loại máy móc, thiết bị và các loại phương tiện vận chuyển;

Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong việc quyết định đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng cơ bản cũng như các công trình, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, đời sống CBCNV;

Thiết kế, lên bản vẽ, lập dự toán hoặc thẩm định các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình (đối với trường hợp thuê ngoài thiết kế); tham mưu trong việc lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu xây lắp; quản lý chất lượng công trình; giám sát thi công các công trình xây dựng cơ bản và tham gia nghiệm thu, đề xuất thanh toán các hạng mục cũng như toàn bộ công trình khi hoàn thành;

Tham gia quản lý các giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án do Công ty đầu tư;

Lập dự toán và theo dõi công trình phục hồi tái canh cao su, chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản;

Chủ trì và phối hợp cùng phòng Kỹ thuật xây dựng, trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt kế hoạch thanh lý, trồng tái canh dài hạn, trung hạn và hàng năm phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty;

Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu tiến độ thực hiện theo các nhiệm vụ được giao cho lãnh đạo Công ty;

Theo dõi, cân đối và đề xuất các biện pháp huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn đầu tư của Công ty, của các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đề xuất biện pháp sử dụng có hiệu quả đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật và các nguồn lực

khác trong toàn Công ty. Là đầu mối của Công ty trong công tác đầu tư, liên doanh, liên kết đầu tư, kinh doanh trong và ngoài nước;

Xây dựng và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện cân đối, quản lý các nguồn lực chung như: Tiền vốn, vật tư, nguyên liệu, thiết bị, công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước và của Tập đoàn;

Lập dự án đầu tư, tiếp nhận hồ sơ và trình lên Lãnh đạo Công ty quyết định các chủ trương đầu tư, dự án đầu tư của Công ty và thẩm định, kiểm tra quá trình thực hiện các dự án đầu tư;

Phối hợp với các phòng: Kỹ Thuật; Tài chính - Kế toán và Tổ chức - Hành chính xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật các loại vật tư, công cụ dụng cụ giao khoán;

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong quá trình quan hệ với các tổ chức tín dụng và nhà đầu tư nước ngoài, lưu trữ, cập nhật các thông tin liên quan đến các đối tác nước ngoài. Tham mưu với Tổng Giám đốc tổ chức và tham dự các cuộc hội thảo, hội chợ triển lãm, hội nghị quốc tế, ... theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc;

Thực hiện việc báo cáo sản phẩm cao su sản xuất, tiêu thụ và tồn kho, tình hình thực hiện đầu tư . . . của Công ty theo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu với Tổng Giám đốc;

Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch quý, 6 tháng, năm để tổ chức các cuộc hội nghị sơ kết, tổng kết theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty;

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan, ban ngành có liên quan và cho lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Phòng Tài chính Kế toán

Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc Công ty theo phân cấp quản lý về công tác tài chính – kế toán của Công ty.

Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và hàng năm trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt và tổ chức chỉ đạo thực hiện;

Tổ chức hạch toán kế toán về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Luật Kế toán, quy chế tài chính và các văn bản pháp quy liên quan khác của Nhà nước và của Tập đoàn quy định;

Lập đầy đủ và kịp thời các báo cáo tài chính theo đúng quy định. Lập kế hoạch thu chi tài chính tháng, quý, năm để cân đối kịp thời nguồn vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trước mắt và lâu dài;

Chủ trì tổ chức thực hiện công tác kiểm kê tiền vốn, công cụ, vật tư, tài sản theo định kỳ hàng năm. Kịp thời phản ánh kết quả kiểm kê tài sản, đồng thời đề xuất các biện pháp xử lý;

Tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng kịp thời các chế độ tài chính kế toán, thuế do Nhà nước ban hành cho cán bộ, nhân viên nghiệp vụ kế toán Công ty và kế toán các đơn vị;

Trên cơ sở chính sách của Nhà nước, tham gia nghiên cứu xây dựng các chính sách, chế độ tài chính liên quan đến đặc thù của Công ty;

Tham gia xây dựng các chế độ chính sách của Công ty có liên quan đến công tác tài chính kế toán; quản lý, giám sát việc thực hiện các định chế tài chính trong Công ty;

Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất – kinh doanh và tài chính để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của công ty;

Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến các nguồn vốn cấp, vốn vay; giải quyết các loại vốn, phục vụ cho việc huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hóa trong sản xuất - kinh doanh của Công ty;

Theo dõi công nợ của Công ty, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu, chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác. Thực hiện công tác đối nội và thanh toán quốc tế;

Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan (Phòng Kỹ thuật, Phòng Kế hoạch – Xây dựng cơ bản, Phòng Tổ chức – Hành chánh) thẩm tra, theo dõi, kiểm tra, nghiệm thu quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, sửa chữa, trang bị tài sản cố định, vườn cây xây dựng cơ bản, vườn cây sản xuất kinh doanh...v.v;

Tham gia với các phòng nghiệp vụ liên quan xét duyệt, giao kế hoạch giá thành hàng năm và đánh giá kết quả thực hiện đối với các đơn vị trực thuộc;

Là thành viên của các Hội đồng: Hội đồng giá, Hội đồng thẩm định các dự án, Hội đồng chuyển nhượng, thanh lý tài sản, v.v...;

Tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty;

Cùng với Phòng Kế hoạch - Xây dựng cơ bản tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc ký kết hợp đồng mua bán sản phẩm sản xuất ra theo từng chủng loại;

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định;

Cùng với Phòng Kế hoạch - Xây dựng cơ bản, Phòng Kỹ thuật giúp Tổng Giám đốc giao kế hoạch và quyết toán tài chính của các đơn vị trực thuộc theo định kỳ;

Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán - tài vụ cho các đơn vị trực thuộc;

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan ban ngành và Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Phòng Kỹ thuật

Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc Công ty theo phân cấp (gọi tắt là Lãnh đạo Công ty) về lĩnh vực kỹ thuật nông nghiệp, quản lý đất nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên ngành cao su thiên nhiên của Công ty; là đầu mối tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực trên.

Tham gia xây dựng và thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan đến sản xuất cao su thiên nhiên của Công ty;

Thẩm định các giải pháp kỹ thuật thuộc các dự án nông nghiệp;

Tham mưu xây dựng kế hoạch sản lượng mủ khai thác, thanh lý, tái canh và chăm sóc vườn cây KTCB hàng năm của Công ty để trình duyệt với Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam;

Căn cứ quy trình kỹ thuật của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, tham mưu cho Lãnh đạo Công ty ban hành các quy trình tái canh, trồng mới, chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản và chăm sóc, khai thác mủ cao su vườn cây kinh doanh;

Theo dõi, quản lý, kiểm tra tình hình quản lý sử dụng đất đai trong Công ty;

Tham mưu về việc đầu tư khoa học kỹ thuật, áp dụng các biện pháp tăng năng suất;

Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Xây dựng cơ bản tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong công tác đầu tư phân bón, các loại hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật ... phù hợp với từng loại giống, tuổi cây... và từng loại mủ nguyên liệu đưa vào chế biến;

Xây dựng các đề án, phương án áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất và chất lượng vườn cây;

Triển khai, cập nhật và áp dụng bộ giống mới có năng suất chất lượng cao;

Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất về kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác mủ cao su; tổng kết thực tiễn sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan

đến sản xuất cao su thiên nhiên; tổ chức xây dựng các mô hình điểm và triển khai rộng rãi trong sản xuất;

Tham gia tổ chức kiểm kê cây cao su hàng năm, phân tích, đánh giá các số liệu liên quan để phục vụ cho việc xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

Phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề về kỹ thuật vườn cây định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu;

Tham mưu trong việc tổ chức thi tay nghề công nhân hàng năm;

Kết hợp với phòng KH/XDCB tham mưu Lãnh đạo Công ty trong việc xét duyệt và giao kế hoạch trồng mới, tái canh, chăm sóc, khai thác mủ cao su cho các nông trường trực thuộc;

Phối hợp với các phòng nghiệp vụ tham mưu cho Lãnh đạo Công ty có quy chế xây dựng đơn vị 2 tấn/ha (tổ, đội...);

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan ban ngành và Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

Phòng Quản lý Chất lượng

Có chức năng giúp Tổng Giám đốc thực hiện Quản lý chất lượng sản phẩm cao su và ghi nhãn hiệu hàng hóa theo qui định của pháp luật.

Phòng Quản lý chất lượng nằm trong hệ thống của Phòng thí nghiệm quốc gia theo tiêu chuẩn ISO/IEC 7025:2005.

Theo dõi việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn TCVN 3769:2004, hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2005;

Thực hiện việc cấp chứng chỉ chất lượng cho các sản phẩm SVR của nhà máy theo TCVN 3769:2004;

Thực hiện hệ thống chất lượng phòng thử nghiệm ISO/IEC 17025:2005;

Kiểm nhanh các mẫu thử phục vụ sản xuất;

Phòng Thanh tra bảo vệ

Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc Công ty theo phân cấp về lĩnh vực pháp lý; công tác an ninh, quốc phòng, phòng cháy

chữa cháy, bảo vệ tài sản của Công ty; giải quyết khiếu nại tố cáo thuộc trách nhiệm của Công ty.

Xây dựng chương trình công tác thanh tra, bảo vệ, quân sự, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp dân theo thẩm quyền của Công ty;

Bảo vệ tài sản, phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn trật tự trị an trong phạm vi Công ty;

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về các vấn đề liên quan đến công tác phòng chống cháy nổ, quản lý, sử dụng các dụng cụ, phương tiện PCCN trong Công ty;

Tham gia đoàn kiểm tra về công tác an toàn – vệ sinh lao động và PCCN định kỳ (6 tháng/lần), cũng như tổ chức kiểm tra đột xuất công tác PCCN khi có yêu cầu;

Tiếp nhận, xác minh và kiến nghị giải quyết các đơn khiếu tố, khiếu nại và tố cáo do Lãnh đạo Công ty chuyển đến;

Nghiên cứu, giải quyết và phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương giải quyết các vấn đề pháp lý của Công ty;

Là đầu mối thường trực triển khai thực hiện các thoả thuận hợp tác trong lĩnh vực an ninh quốc phòng với các cơ quan hữu quan;

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty và Ban chỉ huy quân sự Công ty thực hiện tốt Luật Dân quân tự vệ;

Tham mưu xây dựng phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai nhằm giảm nhẹ thiệt hại và tìm kiếm cứu nạn hàng năm;

Xây dựng kế hoạch, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc;

Lập kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ hàng năm cho lực lượng bảo vệ;

Quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ;

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan ban ngành và Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

1.2. Tình hình tổ chức và quản lý điều hành

Công ty tập trung kiện toàn tổ chức, bộ máy; Tổ chức lại sản xuất, hợp lý hóa từng khâu, từng công đoạn sản xuất và chuẩn bị sản xuất.

Công ty đã quản lý và điều hành toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung triển khai nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (2011 - 2015), phương án tái cơ cấu Công ty. Tập

trung chỉ đạo và hỗ trợ có hiệu quả hoạt động của Công ty trên tất cả các hoạt động cơ bản và các mặt trọng yếu.

Công ty đã dự báo, nhận định đúng tình hình, đưa ra những giải pháp thích ứng, cơ bản đối phó được các tình huống; Tăng cường công tác tự kiểm tra và giám sát; Theo định kỳ thực hiện phân tích và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá tính hiệu lực hiệu quả các quyết sách; Kịp thời chấn chỉnh và thực hiện các giải pháp để cải thiện quản trị nội bộ.

Công ty thực hiện đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và đầu tư mới, nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến sản phẩm. Mặt khác, chủ động cân đối các nguồn lực và thực hiện nhiều giải pháp thiết thực bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh chủ động hơn, hiệu quả hơn.

Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã phát huy tinh thần trách nhiệm, năng lực, kinh nghiệm về tổ chức, quản lý và kinh doanh góp phần đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp.

2. Thực trạng về lao động

2.1. Tình hình lao động 03 năm trước cổ phần hóa

Phân loại	2012	2013	2014
Theo trình độ	2.349	2.326	2.265
Đại học và trên	122	139	154
Cao đẳng	6	9	13
Trung cấp	52	48	41
Khác	2.169	2.130	2.057
Theo giới tính	2.349	2.326	2.265
Nam	1.549	1.535	1.529
Nữ	800	791	736
Theo loại hợp đồng	2.349	2.326	2.265
Không thời hạn	2.011	2.072	1.882
Có thời hạn	185	94	150
Thời vụ	153	160	233
Theo đơn vị và phòng ban	2.349	2.326	2.265
Phòng ban công ty	117	122	146
Xí nghiệp chế biến	204	201	189

Khách sạn và du lịch	30	28	28
Nông Trường Xà Bang	676	669	622
Nông Trường Cù Bị	765	753	701
Nông Trường Bình ba	557	553	579

2.2. Tình hình lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

Phân loại	Tại thời điểm công bố GTDN 25/12/2015
Theo trình độ	1.944
Đại học và trên đại học	154
Cao đẳng	16
Trung cấp	47
Khác	1.727
Theo giới tính	1.944
Nam	1.280
Nữ	644
Theo loại hợp đồng	1.944
Không thời hạn	1.537
Có thời hạn	235
Thời vụ	172
Theo đơn vị và phòng ban	1.944
Phòng ban công ty	138
Xí nghiệp chế biến	179
Khách sạn và du lịch	26
Nông Trường Xà Bang	478
Nông Trường Cù Bị	596
Nông Trường Bình Ba	527

2.3. Đánh giá chung về lao động

Đánh giá về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên có cơ hội học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn bằng các hình thức học như từ xa, tại chức, vừa làm vừa học. Trình độ bậc trung cấp và cao đẳng giảm vì lý do người lao động được Công ty tạo điều kiện cho học liên thông lên bậc đại học, qua đó giúp trình độ chuyên môn nghiệp vụ đại học và sau đại học của người lao động được tăng lên qua các năm.

Điều này đã động viên, khuyến khích CB-CNV, người lao động rất nhiều trong việc tích cực học tập, làm cho mọi người yên tâm cống hiến, gắn bó với Công ty nhiều hơn.

Với nguồn nhân lực có chất lượng, khả năng đáp ứng công việc ngày càng cao. Hiện tại trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý trong Công ty đa số đều tốt nghiệp trình độ đại học và trình độ chuyên môn người lao động về kỹ thuật khai thác cao su được Công ty tổ chức đào tạo lớp kỹ thuật khai thác mủ đều đặn hàng năm, trong đó có việc đào lại tay nghề kỹ thuật khai thác mủ cho người lao động có tay nghề yếu.

Đánh giá về bố trí sử dụng lao động

Hợp đồng lao động thời vụ (dưới 03 tháng): được ký kết với người lao động đối với những trường hợp tạm thời thay thế người lao động tại Công ty nghỉ thai sản, bị ốm đau và tai nạn lao động. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động được tính vào đơn giá tiền lương Công ty chi trả hàng tháng và người lao động tự đóng các chế độ bảo hiểm (do hợp đồng lao động thời vụ dưới 03 tháng không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp)

Hợp đồng có thời hạn và không xác định thời hạn được Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ theo quy định của Nhà nước và Công ty không nợ tiền bảo hiểm của người lao động đối với cơ quan bảo hiểm xã hội.

Công ty quan tâm tới công tác phát triển nguồn nhân lực, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực. Công ty đã triển khai chương trình nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Mặt khác, hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng tay nghề cho công nhân và kỹ thuật viên theo nhiều hình thức đào tạo và tiết kiệm. Từ năm 2012-2014, Công ty đã bố trí hơn 602 lượt cán bộ công nhân viên được đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ với tổng chi phí đào tạo 412.633.000 đồng.

Nhìn chung, chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty được đánh giá là khá hữu hiệu.

Đánh giá về chính sách nhân sự

Công ty tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, tạo dựng văn hóa doanh nghiệp; Thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định và quy hoạch. Đến nay, Công ty đã có một đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh, đội ngũ công nhân có tay nghề, có kinh nghiệm, đầy tâm huyết, năng động và tương đối chuyên nghiệp; Chủ động quản lý, điều hành, làm chủ kỹ thuật, công nghệ.

Nhìn chung, tiềm năng nhân lực Công ty ở mức độ tốt và chính sách nhân sự của Công ty hiện nay được đánh giá là hữu hiệu.

3. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2014 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

STT	Tài sản cố định	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)
I	Tài sản cố định hữu hình	393.382.489.075	205.111.964.257
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	151.528.176.190	45.487.747.894
2	Máy móc thiết bị	38.897.748.998	9.648.025.847
3	Phương tiện vận tải	28.987.056.953	6.242.470.706
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.577.129.512	1.216.691.140
5	Vườn cây lâu năm	171.392.377.422	142.517.028.670
6	Tài sản cố định khác	-	-
II	Tài sản cố định vô hình	1.158.085.923	632.110.182
	Tổng cộng	394.540.574.998	205.744.074.439

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa

4. Thực trạng về tình hình tài chính 03 năm trước cổ phần hóa

4.1. Cơ cấu tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN	265.869	221.993	160.841
Tiền và tương đương tiền	118.560	96.073	71.246
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu ngắn hạn	41.159	17.783	15.046
Hàng tồn kho	100.990	103.505	69.897
Tài sản ngắn hạn khác	5.160	4.632	4.652
TÀI SẢN DÀI HẠN	931.886	1.102.999	1.203.019
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định	468.198	551.637	599.074
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	462.348	551.098	603.770
Tài sản dài hạn khác	1.340	264	175
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.197.755	1.324.992	1.363.860

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa

4.2. Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	362.017	331.566	325.926
I. Nợ ngắn hạn	191.998	148.683	118.696
II. Nợ dài hạn	170.019	182.883	207.230
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	835.737	993.426	1.037.934
I. Vốn chủ sở hữu	835.737	993.426	1.037.934
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	617.912	628.187	628.187
Quỹ đầu tư phát triển	5.219	122.906	135.862
Quỹ dự phòng tài chính	97.684	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	114.922	242.333	273.885
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.197.754	1.324.992	1.363.860

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa

4.3. Tình hình công nợ

4.3.1. Công nợ phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Phải thu ngắn hạn	41.159	17.783	15.046
Phải thu khách hàng	36.758	13.285	13.026
Trả trước cho người bán	3.319	965	1.159
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
Phải thu hợp đồng xây dựng	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.082	3.533	861
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	41.159	17.783	15.046

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa

4.3.2. Công nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
I. Nợ ngắn hạn	191.998	148.683	118.696
Vay và nợ ngắn hạn	4.000	6.000	15.000
Phải trả người bán	4.358	7.141	1.386
Người mua trả tiền trước	1.537	935	3
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	27.338	11.660	4.918
Phải trả người lao động	77.369	62.430	52.725
Chi phí phải trả	-	-	592
Phải trả nội bộ	16.993	19.952	18.788
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.548	9.038	5.963
Quỹ khen thưởng phúc lợi	48.855	31.527	19.322
II. Nợ dài hạn	170.019	182.883	207.230
Phải trả dài hạn khác	44	44	45
Vay và nợ dài hạn	152.000	166.000	191.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	3	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	17.975	16.836	16.185
Tổng cộng	362.017	331.566	325.926

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa

5. Thực trạng tình hình hoạt động SXKD 3 năm trước cổ phần hóa

5.1. Lĩnh vực hoạt động và sản phẩm dịch vụ chính

5.1.1. Sản phẩm chính

Sản phẩm của Công ty là cao su thiên nhiên sơ chế dạng khối, với các chủng loại SVR CV 60, SVR CV 50, SVR 3L, SVR 5, SVR 10, phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3769:2004. Sản phẩm của Nhà máy Xà Bang có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm của công ty khá đa dạng, có thể mạnh đối với sản phẩm SVR CV50, SVR CV 60, SVR 3L là những sản phẩm cao cấp dành cho các thị trường khó tính. Chất lượng sản phẩm của Công ty được các khách hàng đánh giá cao, thương hiệu sản phẩm của Nhà máy Xà Bang sản xuất được các khách hàng tin tưởng.

Cơ cấu sản lượng và tỷ trọng mũ cao su theo sản phẩm từ năm 2012-2014

Chủng loại mũ cao su	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng trong chế biến (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng trong chế biến (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng trong chế biến (%)
SVR CV 60	6.869	48,20%	8.616	59,76%	5.592	36,05%
SVR CV 50	955	6,70%	438	3,04%	1.318	8,5%
SVR 3L	4.561	32,00%	3.477	24,12%	6.625	42,7%
SVR 5	200	1,40%	20	0,14%	48	0,31%
SVR 10	1.596	11,20%	1.861	12,91%	1.928	12,43%
Mũ ngoại lệ	71	0,50%	4	0,03%	2	0,01%
Tổng cộng	14.252	100	14.417	100	15.513	100

5.2. Nguồn nguyên vật liệu và yếu tố đầu vào

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là mũ cao su tự nhiên tự khai thác từ các nông trường của Công ty và thu mua từ các tiểu điền ở các địa bàn lân cận. Theo thông kê của những năm gần đây thì tỷ lệ tự khai thác chiếm khoảng 90%, thu mua từ tiểu điền khoảng 10%. Việc thu mua từ bên ngoài chủ yếu là để tận dụng năng lực sản xuất của nhà máy, khấu hao máy móc thiết bị và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Nguồn nguyên vật liệu nhìn chung là đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất và ổn định. Tuy nhiên, sự biến động giá cả cũng tác động không nhỏ đến khả năng thu mua từ bên ngoài do việc thu mua phải đảm bảo không bị lỗ và việc tồn kho lâu sẽ dẫn đến rủi ro làm tăng giá thành trong khi giá bán thấp.

5.3. Thị trường, khách hàng và yếu tố cạnh tranh
Về thị trường

Sản phẩm của Công ty được bán cả thị trường trong nước lẫn nước ngoài, trong đó phần lớn là xuất khẩu nước ngoài bình quân chiếm khoảng 60%, còn lại khoảng 40% bán cho người tiêu dùng và các đơn vị trung gian xuất khẩu. Các quốc gia mà sản phẩm của Công ty xuất khẩu bao gồm: Singapore, Đức, Nhật, một số quốc gia Châu Á khác ...trong đó thị trường Singapore chiếm khoảng 20%, Đức chiếm khoảng 20%, và thị trường Nhật chiếm khoảng 20%. Nhìn chung, thị trường của Công ty mang tính tập trung cao cho một số khách hàng.

Công ty đang tìm kiếm thêm các thị trường mới, đặc biệt là các thị trường có nhiều khách hàng cũng đã từng giao dịch nhưng chưa có cơ hội mua bán với công ty. Ưu tiên phát triển thị trường Ấn Độ đối với các sản phẩm như: SVR CV 50, SVR CV 60, SVR

3L, SVR 10, SVR 20, trong đó chủ yếu là các sản phẩm SVR 3L, SVR 10, SVR 20 vì thị trường này không đòi hỏi chất lượng cao như các thị trường Châu Âu.

Ngoài ra, Công ty cũng đang liên hệ chào bán sản phẩm SVR CV đến thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Có thể nói, đây là 02 thị trường khó tính và đòi hỏi cao về kỹ thuật.

Về khách hàng

Hiện tại, thị trường bán hàng của Công ty khá là rộng lớn nên khách hàng của Công ty cũng rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, có thể kể đến 04 khách hàng lớn chiếm khoảng 70%-85% sản lượng tiêu thụ của công ty hàng năm bao gồm: R1 International PTE LTD, Weber, Tongteik PTE LTD, Furukawa và Yokohama Việt Nam, trong đó R1 International PTE LTD, Weber, Tongteik PTE LTD là những nhà phân phối lớn còn Furukawa và Yokohama là những nhà sản xuất chính.

Về yếu tố cạnh tranh

Đối với thị trường trong nước: Đối thủ cạnh tranh của Công ty là các công ty tư nhân, chủ yếu thu mua mủ tiêu diệp và bán các sản phẩm như SVR 3L, SVR 10, SVR 20 ...Đặc điểm của nhóm này là không phụ thuộc vào Tập Đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam, không chịu ảnh hưởng về giá nên có thể chủ động về giá. Bên cạnh đó, chất lượng không cao gây ảnh hưởng đến hình ảnh mủ cao su Việt Nam trên trường thế giới.

Đối với thị trường quốc tế: Các đối thủ cạnh tranh đến từ các quốc gia như Thái Lan, Malaysia, Indonexia, Ấn Độ...Đặc điểm của nhóm này là giá cả, chất lượng, đã có nhiều kinh nghiệm trong khai thác, sản xuất cao su, trình độ công nghệ sản xuất tốt hơn, có đầu ra lớn.

5.4. Năng lực sản xuất chế biến và trình độ công nghệ máy móc thiết bị

Hiện tại công ty có 03 dây chuyền sản xuất trong đó có:

- 02 dây chuyền sản xuất mủ tinh SVR với các chủng loại sản phẩm sản xuất được như sau: SVR 3L, SVR CV50, SVR CV60. Công nghệ của hai dây chuyền này là công nghệ sản xuất Malaysia. Với công suất thiết kế của hai dây chuyền này là 12.000 tấn mủ quy khô/năm. Tuy nhiên, công suất thực tế có khả năng đạt hơn 18.000 tấn/năm.
- 01 dây chuyền sản xuất mủ tạp với công suất thiết kế là 4.000 tấn/năm, các thiết bị công nghệ này được nhập khẩu từ Malaysia. Công suất thực tế có khả năng đạt hơn 5.000 tấn/năm. Các chủng loại sản phẩm của dây chuyền này sản xuất gồm: SVR 10, SVR20.

Nhà máy sơ chế cao su Xà Bang có công suất 16 nghìn tấn/năm, trong đó 2 dây chuyền chế biến mủ tinh với công suất 12 nghìn tấn/năm, dây chuyền chế biến mủ tạp có công suất 3 nghìn tấn/năm vừa được cải tạo để tăng công suất lên 4 nghìn tấn/năm.

Hiện tại, có thể đảm bảo chế biến hết sản phẩm của Công ty và gia công cho các đơn vị tiêu dùng trên địa bàn.

Nhìn chung, năng lực sản xuất của nhà máy có đủ khả năng đáp ứng chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 và thời gian cung ứng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

5.5. Hoạt động nghiên cứu và phát triển

Về nghiên cứu cải tiến công nghệ, Công ty luôn chú trọng và có chính sách cho hoạt động này như lập nguồn quỹ khoa học công nghệ dành cho hoạt động nghiên cứu cải tiến, đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào trong sản xuất. Hằng năm, Công ty cũng đều có chương trình nghiên cứu áp dụng cải tiến máy móc thiết bị ở từng công đoạn và bộ phận khác nhau của dây chuyền sản xuất, cải thiện hiệu quả sản xuất, tiết giảm nhiên liệu, điện năng, giảm thất thoát, tăng chất lượng sản phẩm. Một số đề tài nghiên cứu ứng dụng cải tiến đã được thực hiện thành công có thể kể đến như là: Đề tài nâng cấp Lò Sấy, Đề tài Power Boss, Đề tài nâng cao hệ số công suất phụ tải. Ưu điểm của những công nghệ mới đã ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực như:

- Tiết kiệm nhiên liệu tiêu thụ. Tiết kiệm năng lượng điện sử dụng, đồng thời giảm công lao động, năng suất tăng lên.
- Thành tích đạt được nhờ công nghệ mới đem lại là chất lượng sản phẩm được nâng cao, sản phẩm làm ra luôn phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004. Năng suất lao động tăng lên và tiết kiệm được chi phí sản xuất như: nhiên liệu, năng lượng, và công lao động... Vì vậy, đã góp phần làm giảm giá thành sản xuất.

Hiện nay, Công ty cũng đang hoàn thiện đề tài nghiên cứu Đánh đồng tự động. Đây là đề tài mới, được nghiên cứu đầu tiên trong Tập đoàn Cao Su. Ưu điểm của hệ thống này là Nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu vật tư hóa chất, giảm chi phí, giảm nhân công, tăng tính ổn định trong chất lượng sản phẩm.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

5.6.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Quy trình sản xuất các loại sản phẩm của công ty dựa theo quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

- TCCS 101:2002- Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR 3L, SVR 5.
- TCCS 102:2002- Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR 10, SVR 20 từ mủ phụ.
- TCCS 103:2002- Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR CV50, SVR CV60.

Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Việc áp dụng hệ thống QLCL ISO 9001:2008 đã nâng cao nhận thức về chất lượng sản phẩm trong toàn công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và kỹ năng của đội ngũ cán bộ công nhân viên, ổn định và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm thoả mãn ngày càng cao hơn nhu cầu của khách hàng.

5.6.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng

Quy trình sản xuất các loại sản phẩm của công ty dựa theo quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và tiêu chuẩn Việt Nam.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện xuyên suốt cả quá trình từ khâu khai thác mủ tại vườn cây, vận chuyển mủ về nhà máy cho đến khâu chế biến, bảo quản, lưu kho.

Công ty có quy định nghiêm ngặt về quản lý chất lượng mủ nguyên liệu từ vườn cây về nhà máy, đảm bảo không có lẫn tạp chất đối với tất cả các loại mủ nước, mủ tạp, mủ đông ...

Đối với công nhân cạo mủ có trách nhiệm khai thác, bảo quản và giao nộp mủ đạt chất lượng, tuyệt đối không có lẫn tạp chất trong mủ. Đội trưởng sản xuất có trách nhiệm kiểm tra và nhắc nhở công nhân thực hiện tốt khâu vệ sinh tất cả dụng cụ cạo mủ như thùng đựng mủ, chén, máng hứng mủ ... Mủ nước sau khi thu gom phải lọc qua rây có kích thước lỗ rây $\leq 3\text{mm}$ và bảo quản bằng dung dịch NH_3 , mủ chén, mủ dây phải tách ra từng miếng và nhặt bỏ các tạp chất lá cây, dăm cây...

Đối với lái xe có trách nhiệm vệ sinh xe, bồn chứa mủ nước, thùng chứa mủ tạp, mủ đông ..., vận chuyển đúng giờ quy định.

Đối với công nhân nhà máy có trách nhiệm vệ sinh sạch sẽ các hồ, mương tiếp nhận, nền xưởng, máy móc thiết bị ... và thực hiện đúng quy trình chế biến đối với từng loại sản phẩm.

Trong quá trình chế biến, nhà máy cùng với phòng Quản lý chất lượng kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quá trình từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến thành phẩm.

Đối với quy trình chế biến cao su SVR, kiểm tra chất lượng nguyên liệu mủ, kiểm soát xử lý đánh đông, vô thùng, nhiệt độ sấy, thời gian sấy, trọng lượng bánh mủ, quy cách đóng gói bao bì, phân lô lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất bản, tro, bay hơi, nitơ, Po, PRI, màu, độ nhớt Mooney theo TCVN 3769:2004.

5.7. Hoạt động marketing

- Giới thiệu thông tin về sản phẩm thông qua website của Công ty, thường xuyên cập nhật thông tin trên website.

- Đăng ký giới thiệu thông tin về sản phẩm, về doanh nghiệp trong các buổi hội thảo.
- Thiết kế brochure, đăng báo quảng cáo sản phẩm.
- Gửi thư chào hàng qua email, gửi mẫu.

5.8. Tóm tắt kết quả SXKD 3 năm trước cổ phần hóa

5.8.1. Tóm tắt kết quả SXKD 3 năm trước cổ phần hóa

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	2012	2013	2014
I. Sản phẩm chính				
1 Diện tích - năng suất				
1.1. Tổng diện tích	ha	8.562,01	8.540,20	8.542,86
- Trong đó:				
+ Diện tích cao su khai thác	ha	3.411,460	3.329,010	4.046,420
+ Diện tích cao su KTCB	ha	4.709,810	4.850,940	4.284,630
+ Diện tích cao su thanh lý	ha	440,740	360,250	211,810
+ Diện tích cao su tái canh	ha	440,740	360,250	211,810
1.2 Năng suất	tấn/ha	1,678	1,812	1,655
2. Sản lượng	tấn	7.843,175	8.554,832	7.367,574
2.1 Cao su khai thác	tấn	5.725,808	6.032,448	6.695,594
2.2 Cao su thu mua	tấn	2.117,367	2.522,384	671,980
3. Cao su chế biến	tấn	14.251	14.268	15.513
+ CV 50, 60	tấn	8.124	7.810	6.910
+ SVR 3L, 5	tấn	4.672	4.314	6.673
+ SVR 10, 20	tấn	1.447	1.911	1.928
+ Khác	tấn	8	233	2
4. Tồn kho đầu kỳ	tấn	3.037,830	2.233,486	2.510,611
5. Cao su tiêu thụ	tấn	8.647,519	8.277,707	7.678,833
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	4.673,280	3.671,040	4.311,360
+ Nội tiêu	tấn	3.974,239	4.606,667	3.367,473
5.1 Mủ cao su khai thác	tấn	6.711,592	5.694,843	7.006,853
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	4.565,280	3.489,600	3.925,286
+ Nội tiêu	tấn	2.146,312	2.205,243	3.081,567
5.2 Mủ cao su thu mua	tấn	2.056,887	2.582,864	671,980
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	228,960	181,440	386,074

+ Nội tiêu	tấn	1.827,927	2.401,424	285,906
6. Tồn kho cuối kỳ	tấn	2.233,486	2.510,611	2.196,160
7. Giá bán bình quân	Trđ/tấn	65,97	53,69	39,02
+ Xuất khẩu và UTXK	Trđ/tấn	71,92	57,89	43,09
+ Nội tiêu	Trđ/tấn	58,96	50,34	33,80
II. Doanh thu và lợi nhuận				
II.1 Tổng doanh thu	triệu đồng	725.820	512.654	401.396
II.1.1. Doanh thu cao su	triệu đồng	570.436	444.400	299.721
1.1 Doanh thu cao su khai thác	triệu đồng	445.185	310.024	273.373
+ Xuất khẩu và UTXK	triệu đồng	321.317	201.618	168.785
+ Nội tiêu	triệu đồng	123.868	108.406	104.588
1.2 Doanh thu cao su thu mua	triệu đồng	125.251	134.376	26.348
+ Xuất khẩu và UTXK	triệu đồng	14.804	10.887	17.002
+ Nội tiêu	triệu đồng	110.447	123.489	9.346
II.1.2. Thanh lý vườn cao su	triệu đồng	77.745	24.280	20.286
II.1.3. Sản phẩm khác	triệu đồng	32.703	30.363	36.430
II.1.4. Doanh thu tài chính	triệu đồng	10.477	4.662	41.690
II.1.5. Doanh thu khác	triệu đồng	34.459	8.949	3.269
II.2. Tổng chi phí	triệu đồng	497.324	413.029	339.378
1. Cao su				
1.1. Giá thành tiêu thụ mủ	Trđ/tấn	52,84	45,58	38,78
- Mủ cao su khai thác	Trđ/tấn	49,89	43,08	38,87
- Mủ cao su thu mua	Trđ/tấn	59,36	51,07	37,78
1.2. Chi phí cao su	triệu đồng	456.948	377.264	297.871
- Mủ cao su khai thác	Triệu đồng	334.857	245.348	272.484
- Mủ cao su thu mua	Triệu đồng	122.091	131.916	25.387
2. Vườn cao su thanh lý	triệu đồng	274	2.229	1.560
3. Sản phẩm khác	triệu đồng	34.144	30.982	35.257
4. CP hoạt động tài chính	triệu đồng	4.212	1.319	3.854
5. Hoạt động khác	triệu đồng	1.746	1.235	836
II.3 Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	228.496	99.625	62.018
1. Cao su	triệu đồng	113.488	67.136	1.850
- Mủ cao su khai thác	triệu đồng	110.328	64.676	889
- Mủ cao su thu mua	triệu đồng	3.160	2.460	961
2. Vườn cao su thanh lý	triệu đồng	77.471	22.051	18.726

3. Sản phẩm khác	triệu đồng	-1.441	-619	1.173
4. Hoạt động tài chính	triệu đồng	6.265	3.343	37.836
5. Hoạt động khác	triệu đồng	32.713	7.714	2.433
II.4 Thuế TNDN	triệu đồng	49.103	25.509	14.036
II.5 Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	179.393	74.116	47.982
II.6 Nộp ngân sách	triệu đồng	74.163	34.498	26.218
III. Nhu cầu vốn đầu tư	triệu đồng	204.499	193.561	141.324
+ Đầu tư XDCB	triệu đồng	110.592	101.525	66.602
- Xây lắp	Triệu đồng	80.444	79.456	46.018
Trong đó: Xây lắp NNo	Triệu đồng	68.306	60.467	45.419
- Thiết bị, khác	Triệu đồng	8.411	6.543	3.865
- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	21.737	15.526	16.719
+ Trả nợ vay	triệu đồng	2.500	4.000	6.000
+ Đầu tư tài chính dài hạn	triệu đồng	91.407	88.036	68.722
IV. Tiền lương				
- Lao động	Người	2.349	2.269	2.229
- Tổng quỹ lương	Triệu đồng	211.996	183.103	150.966
- Lương bình quân (tháng)	Trđ/người	7,52	6,72	5,64

Nguồn: Cao su Bà Rịa

5.8.2. Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	603.204	83,11	474.764	92,61	336.151	83,75
Doanh thu tài chính	10.477	1,44	4.661	0,91	41.689	10,39
Thu nhập khác	112.140	15,45	33.228	6,48	23.555	5,86
Tổng cộng	725.821	100	512.653	100	401.395	100

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa

5.8.3. Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

Cơ cấu chi phí	2012		2013		2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	452.654	91,02	373.173	90,35	288.635	85,04
Chi phí tài chính	4.212	0,85	1.319	0,32	3.854	1,14
Chi phí bán hàng	9.918	1,99	7.778	1,88	7.381	2,17
Chi phí quản lý	28.521	5,73	27.238	6,59	37.112	10,94
Chi phí khác	2.019	0,41	3.546	0,86	2.395	0,71
Tổng cộng	497.324	100	413.054	100	339.377	100

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa

5.8.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty

Thuận lợi

Các chính sách đổi mới của Nhà nước trong công tác quản lý đầu tư, tín dụng ngày càng thông thoáng tạo điều kiện cho Công ty đầu tư nâng cao năng lực về vốn và thiết bị, đổi mới công nghệ, tăng năng lực sản xuất để nhanh chóng thích ứng khi Việt Nam hội nhập hoàn toàn với khu vực và quốc tế.

Với những kinh nghiệm đã được tích lũy trong nhiều năm Công ty ngày càng khẳng định khả năng cung cấp sản phẩm với chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe mà khách hàng đặt ra. Công ty đã phát huy được thế mạnh này để thiết lập và giữ vững mối quan hệ tốt với khách hàng nước ngoài.

Với công suất của các máy móc thiết bị, công nghệ mới hiện nay, Công ty vẫn còn khả năng tận dụng để sản xuất các loại sản phẩm khác ngoài các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Từ đó góp phần làm giảm giá thành sản phẩm thông qua việc giảm chi phí khấu hao trên từng đơn vị sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh về giá cả trên thị trường, đồng thời vẫn đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý, điều hành sản xuất được thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008; đảm bảo quy trình, chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường.

Cán bộ, công nhân viên Công ty hiện nay đã trưởng thành, đủ năng lực cũng như kinh nghiệm để đưa hoạt động của Công ty đi lên, đảm bảo kế hoạch đề ra và đạt được lợi nhuận cao.

Về nguồn nhân lực, đời sống văn hoá, môi trường xã hội: Hàng năm, lãnh đạo các cấp thường xuyên công ty tạo điều kiện khám chữa bệnh tốt hơn cho Cán bộ Công nhân viên. Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tại Công ty ngày càng được nâng cao nên họ rất phấn khởi, yên tâm làm việc và gắn bó với công ty. Cán bộ Công nhân viên ngày càng đoàn kết, không ngừng nỗ lực phấn đấu, chủ động sáng tạo, giành được nhiều thành tích to lớn.

Sự phát triển vùng chuyên canh cao su luôn gắn liền với sự hình thành và phát triển các khu vực hành chính địa phương. Do vậy, luôn có mối quan hệ gắn kết truyền thống giữa Công ty và địa phương, khu vực. Nguồn nhân lực của Công ty có truyền thống lâu dài, suốt cả trong thời kỳ Pháp thuộc đến nay. Truyền thống công nhân cao su, mối quan hệ gắn bó với địa phương, vai trò của các tổ chức quần chúng, xã hội,... là những thuận lợi cho Công ty trong việc xây dựng nguồn nhân lực.

Về yếu tố tự nhiên: Vùng sinh thái miền Đông Nam bộ có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp cho việc trồng và khai thác cao su. Địa hình khá bằng phẳng, độ dốc không lớn, độ cao trung bình dưới 100m so mặt nước biển,... đã tạo ra một khu vực có điều kiện thuận lợi phát triển cây cao su với quy mô lớn.

Về công nghệ: những công nghệ trong ngành sinh học, về lĩnh vực giống cây, kỹ thuật canh tác; những công nghệ hóa sinh, lý sinh kích thích gia tăng cường độ tiết mủ,... làm tăng năng suất vườn cây, cả về khai thác mủ lẫn nguồn gỗ cao su.

Công ty đã thiết lập được mối quan hệ, gắn bó lâu dài với các khách hàng truyền thống, mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Với chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện, Công ty sẽ có cơ hội hợp tác và phát triển thị trường sang các nước trong khu vực cũng như thực hiện việc liên doanh, liên kết với các công ty xây dựng để tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị thi công.

Với những thành công của Công ty đã đạt được trong suốt những năm gần đây, đồng thời được sự hỗ trợ và chỉ đạo của Tập đoàn cùng các cơ quan, ban, ngành từ Trung ương tới địa phương, lãnh đạo Công ty đoàn kết khắc phục những khó khăn, quyết tâm đổi mới, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định, đường lối chủ trương của Chính phủ và Tập đoàn.

Khó khăn

Tác động của sự biến động tỉ giá: Chiến lược tiêu thụ của ngành cao su Việt Nam, cũng như của Công ty cao su Bà Rịa là chiến lược hướng đến xuất khẩu, biến động tỉ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược này theo 2 hướng: nếu tỉ giá tăng chiến lược xuất khẩu sản phẩm sẽ có lợi, thúc đẩy tăng trưởng trong hoạt động và ngược lại. Xu

hướng tỉ giá tăng hiện nay sẽ có tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Sự biến động giá dầu mỏ trên thị trường thế giới: có tác động đến ngành cao su, khi giá dầu giảm dẫn đến giá đầu vào của cao su nhân tạo giảm xuống làm nhu cầu của loại nguyên liệu này tăng lên, người mua có xu hướng chuyển sang sản phẩm từ cao su thiên nhiên sang cao su nhân tạo. Hệ quả tất yếu nhu cầu giảm sẽ làm giá cao su thiên nhiên giảm theo, tác động bất lợi cho việc phát triển sản xuất kinh doanh ngành cao su.

Về yếu tố khí hậu: Diễn biến thất thường của thời tiết (tần suất mưa, bão nhiều) sẽ ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất và hiệu quả của Công ty. Độ ẩm cao là tác nhân phát triển các loại nấm phấn trắng, nấm hồng,... trên cây cao su, làm giảm chất lượng vườn cây.

Về mặt môi trường văn hoá-xã hội tại địa phương: môi trường văn hoá-xã hội tốt không những bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, mà còn giảm thiểu vãn nạn trộm cắp mủ, chặt phá vườn cây cao su. Tuy nhiên, trên địa bàn của Công ty một số nơi thu nhập của người dân không cao, nghề nghiệp không ổn định, tình trạng chặt phá cao su, ăn cắp mủ vẫn là tệ nạn cần được chú trọng để bảo vệ thành quả sản xuất kinh doanh.

Công nghệ các ngành công nghiệp sử dụng cao su thiên nhiên của Việt Nam còn chưa phát triển, lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên trong nước vẫn còn ở mức thấp, chủ yếu tập trung vào các sản phẩm: xăm lốp xe các loại, găng tay, nệm mút,... các ngành công nghiệp cao su kỹ thuật cao, cao su y tế còn chưa phát triển. Các ngành công nghiệp cao su trong nước chậm phát triển đã thu hẹp thị trường nội địa vốn có điều kiện thuận lợi về khả năng cung ứng, thuận lợi trong vận chuyển, kho bãi,... Điều này đã hạn chế khả năng phát triển các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su.

5.9. Thực trạng việc quản lý và sử dụng đất trước cổ phần hóa

Đến thời điểm lập phương án cổ phần hóa 31/12/2014, tổng diện tích Công ty đang quản lý và sử dụng 86.845.885,9 m² (trong đó: Đất nông phi nghiệp là 891.962,2 m² và đất nông nghiệp 85.953.923,7 m). Toàn bộ diện tích đất được phân bổ trên địa bàn Thị trấn Ngã Giao, 08 xã Bình Ba, Cù Bị, Xà Bang, Kim Long, Quảng Thành, Bàu Chinh, Xuân Sơn, Đá Bạc huyện Châu Đức, và thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Diện tích cụ thể phân theo địa bàn hành chính như sau:

Tổng hợp diện tích đất công ty đang theo địa bàn xã

STT	Xã, Thị trấn	Diện tích (m ²)			Ghi chú
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Tổng	
1	Cù Bị	37.882.531,9	86.680,5	37.969.212,4	
2	Xà Bang	11.342.615,8	540.138,8	11.882.754,6	
3	Kim Long	1.482.572,0		1.482.572,0	

STT	Xã, Thị trấn	Diện tích (m ²)			Ghi chú
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Tổng	
4	Quảng Thành	11.407.234,6	108.784,5	11.516.019,1	
5	Bàu Chinh	2.527.522,1		2.527.522,1	
6	Ngãi Giao	2.224.612,5	23.249,3	2.247.861,8	
7	Bình ba	15.404.278,9	90.739,8	15.495.018,7	
8	Xuân Sơn	3.206.152,9	8.881,6	3.215.034,5	
9	Đá bạc	476.403,0		476.403,0	
10	Tp. Vũng Tàu		33.487,7	33.487,7	
Tổng cộng		85.953.923,7	891.962,2	86.845.885,9	

Về pháp lý: Toàn bộ diện tích 86.845.885,9 m² đang quản lý sử dụng theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (100% diện tích). Trong đó, diện tích đã được cấp quyết định thuê đất là 85.375.791,0 m² (đạt 98%). Diện tích 1.470.094,9 m² còn lại Công ty đã thực hiện xong công tác đo đạc và đang thực hiện các thủ tục thuê đất.

Tổng hợp đất công ty theo hồ sơ pháp lý

TT	Nội dung	Tổng diện tích (m ²)	Trong đó		Tỉ lệ đã cấp (%)	Ghi chú
			Đã được cấp (m ²)	Chưa được cấp (m ²)		
I	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	891.962,2				
I.1	Quyết định thuê đất		891.962,2	0,0	100	
I.2	Giấy CNQSDĐ		608.596,0	283.366,0	68	
II	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	85.953.923,7				
II.1	Quyết định thuê đất		84.483.828,8	1.470.094,9	98	
II.2	Giấy CNQSDĐ		84.483.828,8	1.470.094,9	98	
III	TỔNG CỘNG = I+II	86.845.885,9				
III.1	Quyết định thuê đất		85.375.791,0	1.470.094,9	98	
III.2	Giấy CNQSDĐ		85.092.424,8	1.753.460,9	98	

Trong những năm qua, Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa đã quản lý sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật đất đai cũng như các quy định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Công ty đang quản lý và sử dụng tốt diện tích được giao, ranh giới ổn định, không có tranh chấp.

PHẦN III: GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH CÒN TỒN TẠI

I. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa – Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam, giá trị doanh nghiệp xác định lại bằng phương pháp tài sản tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa– Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam như sau:

1. Giá trị doanh nghiệp theo sổ sách kế toán như sau:
 - Giá trị thực tế của doanh nghiệp: **1.360.419.809.456** đồng
 - Giá trị thực tế phần vốn nhà nước: **1.043.258.736.657** đồng.
2. Giá trị doanh nghiệp xác định lại bằng phương pháp tài sản:
 - Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: **1.632.636.792.799** đồng.
 - Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **1.315.475.720.000** đồng.
3. Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa: 10.316.647.964 đồng.

Trong đó:

- Tài sản không cần dùng: 0 đồng
- Tài sản chờ thanh lý: 1.551.362.510 đồng
- Giá trị tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng: 8.765.285.454 đồng.

Kết quả giá trị doanh nghiệp được xác định lại cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu Sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	1.360.419.809.456	1.632.636.792.799	272.216.983.343
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	1.192.702.118.113	1.399.515.301.729	206.813.183.616
1. Tài sản cố định	195.427.426.475	347.339.792.346	151.912.365.871
a. TSCĐ hữu hình	194.795.316.293	270.337.757.139	75.542.440.846
b. TSCĐ vô hình	632.110.182	77.002.035.207	76.369.925.025
2. Đầu tư tài chính dài hạn	603.769.774.983	657.176.432.229	53.406.657.246
3. Chi phí XDCB dở dang	393.329.619.641	393.329.619.641	0

4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	25.464.000	25.464.000	0
6. Chi phí trả trước dài hạn	149.833.014	1.643.993.513	1.494.160.499
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	167.717.691.343	167.662.865.423	(54.825.920)
1. Tiền và các khoản tương đương tiền:	71.245.628.370	71.230.379.402	(15.248.968)
+ Tiền mặt tồn quỹ	57.278.669	57.273.316	(5.353)
+ Tiền gửi ngân hàng	16.188.349.701	16.173.106.086	(15.243.615)
+ Khoản tương đương tiền	55.000.000.000	55.000.000.000	0
3. Các khoản phải thu	15.045.940.644	15.006.363.692	(39.576.952)
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	76.773.712.606	76.773.712.606	0
5. TSLĐ khác	4.652.409.723	4.652.409.723	0
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	0	65.458.625.647	65.458.625.647
IV. Giá trị QSDD	0	0	0
B. Tài sản không cần dùng	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý	1.551.362.510	1.551.362.510	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	8.765.285.454	8.765.285.454	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	1.370.736.457.420	1.642.953.440.763	272.216.983.343
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	1.360.419.809.456	1.632.636.792.799	272.216.983.343
E1. Nợ thực tế phải trả (E 1.1 - E 1.2)	317.161.072.799	317.161.072.799	0
E 1.1 Tổng nợ phải trả theo bảng cân đối kế toán	325.926.358.253	325.926.358.253	0
E 1.2. Quỹ khen thưởng phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	8.765.285.454	8.765.285.454	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1+E2)]	1.043.258.736.657	1.315.475.720.000	272.216.983.343

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa

II. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CẦN XỬ LÝ

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa không có nợ phải thu, phải trả quá hạn thanh toán. Công ty đã tiến hành đối chiếu xác nhận nợ, hoặc tổ chức tư vấn đã dùng thủ tục thay thế để kiểm tra phát sinh sau niên độ được 99,66% các khoản công nợ phải thu và 99,78% các khoản công nợ phải trả. Đối với các khoản công nợ chưa được đối chiếu, doanh nghiệp tiếp tục theo dõi, xử lý theo quy định tại điều 9, mục II, chương II, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài Chính.

Đối với tài sản được loại trừ ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa có trách nhiệm xử lý theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 14, Nghị định số 59/2011/NĐ - CP ngày 18/11/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và điều 9, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp.

Đối với số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, phúc lợi được chia cho người lao động đang làm việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại điểm 7, Điều 9, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với số dư quỹ phát triển khoa học công nghệ, khi thực hiện cổ phần hoá số dư Quỹ được chuyển sang công ty cổ phần theo Quy định tại điểm 9, Điều 9 của Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính. Công ty cổ phần có trách nhiệm quản lý, sử dụng quỹ theo quy định tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9/02/2011 của Bộ Tài chính.

PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động thêm vốn các nhà đầu tư và vốn xã hội vào đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, kinh doanh; Sắp xếp lại tổ chức, đổi mới về phương thức quản trị doanh nghiệp; Cùng các nhà đầu tư phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển thị trường; Thực hiện mục tiêu Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn và phát triển bền vững.

Phát huy vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm và quyền lợi của người lao động, cổ đông, đại diện chủ sở hữu, các cấp quản trị doanh nghiệp - đạt được mục tiêu kinh doanh có hiệu quả; Tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động; Góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty sau cổ phần hóa.
- Đảm bảo ổn định, không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động.
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa chọn hình thức "kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ" theo Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

II. TÊN GỌI VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Tên gọi, địa chỉ

- Tên tiếng việt: Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa
- Tên giao dịch bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa
- Tên giao dịch quốc tế: BA RIA RUBBER JOIN STOCK COMPANY

- Tên giao dịch viết tắt: BARUCO
- Địa chỉ: Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại: (064) 3881964 Fax: (064) 3881169.
- Email: vanphong@baruco.com.vn
- Website: www.baruco.com.vn



- Biểu tượng:

2. Ngành nghề kinh doanh

Kế thừa các ngành nghề kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Bà Rịa – Vũng Tàu cấp theo giấy phép đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su; buôn bán mủ cao su sơ chế
- Xây dựng công trình dân dụng qui mô nhỏ
- Xây dựng cơ sở hạ tầng của ngành cao su: san đắp đồng, ruộng, thi công đường đất, đường rải đá, san nền, hệ thống tưới tiêu;
- Kinh doanh khách sạn: Cơ sở lưu trú, ăn uống, bán hàng lưu niệm và dịch vụ khác cho khách du lịch; vận tải khách du lịch; kinh doanh du lịch lữ hành trong nước;
- Kinh doanh: Tư liệu sản xuất phục vụ sản xuất và các tư liệu tiêu dùng phục vụ sinh hoạt.
- Làm đại lý ký gửi hàng hóa và dịch vụ thương mại
- Đầu tư tài chính
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.
- Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của công ty cổ phần

III. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Căn cứ xác định vốn điều lệ

Căn cứ:

- Văn bản số 10486/VPCP-ĐMDN ngày 16/12/2015 của Văn phòng chính phủ về việc phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

- Quyết định số 446/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa – Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam.

Theo đó, Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa thực hiện: “không điều chỉnh sổ sách kế toán theo giá trị tài sản tại doanh nghiệp được đánh giá lại và được sử dụng giá trị doanh nghiệp theo sổ sách kế toán để xây dựng phương án cổ phần hóa”, cụ thể giá trị doanh nghiệp theo sổ sách kế toán tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa – Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam như sau:

- Giá trị doanh nghiệp: 1.370.736.457.420 đồng.
- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 1.360.419.809.456 đồng.
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 1.043.258.736.657 đồng

Bên cạnh đó, để bổ sung vốn cho nhu cầu tư tài chính dài hạn năm 2015 đã được phê duyệt là 82.630.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa xây dựng vốn điều lệ trên cơ sở phát hành tăng thêm vốn để đáp ứng nhu cầu đầu tư nêu trên. Theo đó, vốn điều lệ được được xác định là: **1.125.000.000.000 đồng**

2. Quy mô vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

2.1 Quy mô vốn điều lệ:

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt và kế hoạch đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa, Công ty đề xuất hình thức cổ phần hóa là kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, trong đó Công ty đề xuất cổ đông Nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ, phần còn lại bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên, cổ đông chiến lược và bán đấu giá công khai thông qua Sở giao dịch chứng khoán.

Theo đó, Công ty xây dựng quy mô vốn điều lệ và số cổ phần tương ứng với vốn điều lệ như sau:

- Vốn điều lệ : 1.125.000.000.000 đồng.
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần : 112.500.000 cổ phần.

2.2 Cơ cấu vốn điều lệ

STT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	73.125.000	65,00	731.250.000.000

2	Cổ phần bán cho người lao động	3.507.000	3,12	35.070.000.000
A	<i>Ưu đãi theo thâm niên công tác</i>	2.476.200	2,20	24.762.000.000
B	<i>Mua thêm theo diện cam kết</i>	1.030.800	0,92	10.308.000.000
3	Cổ phần bán ra bên ngoài	35.868.000	31,88	358.680.000.000
A	<i>Bán cho nhà đầu tư chiến lược</i>	16.180.500	14,38	161.805.000.000
B	<i>Bán đấu giá</i>	19.687.500	17,50	196.875.000.000
	Cộng	112.500.000	100,00	1.125.000.000.000

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN CỔ PHẦN

1. Bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường

1.1. Quy mô chào bán

Số lượng cổ phần chào bán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai là **19.687.500** cổ phần, tương ứng với 17,5% vốn điều lệ của Công ty.

1.2. Phương thức chào bán và cơ quan thực hiện chào bán

Quá trình thực hiện bán đấu giá cổ phần phải tuân thủ chặt chẽ các quy chế và yêu cầu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá ban hành. Việc chào bán cổ phần ra công chúng sẽ được tiến hành theo hình thức đấu giá công khai thông qua Sở giao dịch chứng khoán.

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM
- Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

1.3. Giá khởi điểm chào bán

Giá khởi điểm được xác định tại thời điểm chào bán cổ phần ra công chúng trên cơ sở đánh giá lại vốn nhà nước/vốn nhà nước theo giá trị sổ sách kế toán:

- Quyết định số 446/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa – Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam.
- Tiềm năng của Công ty trong tương lai.
- Đánh giá tình hình thị trường chứng khoán.

Tại thời điểm xây dựng Phương án cổ phần hóa, giá khởi điểm đề xuất là 12.610 đồng/cổ phần. Giá khởi điểm chính thức sẽ được xác định theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

2. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

2.1. Mục tiêu chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

- Hỗ trợ Công ty áp dụng công nghệ, trình độ quản lý tiến tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm dịch vụ ra thị trường.
- Nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp và tăng cường sức cạnh tranh của Công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
- Giúp Công ty tăng cường năng lực tài chính thông qua việc cho Công ty vay hoặc hỗ trợ Công ty tiếp cận những nguồn vốn vay hoặc góp thêm vốn.

2.2. Cơ sở để đưa ra tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.”

Căn cứ Khoản 5 Điều 6 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

2.3. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cụ thể

Căn cứ Quyết định số 446A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa như sau:

- Có tư cách pháp nhân, có quan hệ hợp tác với đơn vị và có điều kiện hỗ trợ đơn vị trong phát triển sản xuất kinh doanh;
- Có khả năng tài chính: có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng;
- Có điều kiện và cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty và hỗ trợ Công ty về một trong các lĩnh vực: chuyển giao công nghệ sản xuất mới, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, cung ứng nguyên vật liệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường;

- Số lượng nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần tại công ty tối đa là 03 nhà đầu tư, nhà đầu tư chiến lược không được tự chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp GCNDKKD lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng thì phải được ĐHCĐ chấp nhận.

2.4. Các quy định đối với nhà đầu tư chiến lược

- Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.
- Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

2.5. Khối lượng cổ phần chào bán và số lượng nhà đầu tư chiến lược

- Tổng số lượng cổ phần chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược dự kiến là 16.180.500 cổ phần, tương đương 14,38% vốn điều lệ dự kiến của Công ty.
- Số lượng nhà đầu tư chiến lược: Căn cứ Quyết định số 446A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa thì số lượng nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần tại Công ty tối đa là 03 nhà đầu tư.

2.6. Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Công ty đề xuất:

- Phương thức thực hiện: Căn cứ Điểm b Khoản 4 Điều 5 Thông tư 196/2011/TT-BTC, Công ty đề xuất việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện sau khi bán đấu giá công khai.
- Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược: Căn cứ Điểm b Khoản 4 Điều 5 Thông tư 196/2011/TT-BTC, Công ty đề xuất giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận với nhà đầu tư chiến lược và không thấp hơn giá bán đấu giá thành công thấp nhất tại cuộc đấu giá cổ phần được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán.

3. Bán cho cán bộ công nhân viên

3.1. Bán với giá ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”. Theo đó:

- Tổng số người lao động trong danh sách lao động của Công ty tại thời điểm ngày 25/12/2015: 1.944 người.
- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 1.673 người; 271 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm và không đăng ký mua.
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 1.673 người.
- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 24.762 năm.
- Số cổ phần giá ưu đãi của 1.673 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: 2.476.200 cổ phần.

3.2. Bán ưu đãi cho CBCNV với hình thức CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.

- Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao đã được Hội nghị người lao động nhất trí thông qua:
 - ✓ Về điều kiện: người lao động không quá 57 tuổi đối với Nam, 52 tuổi đối với Nữ.
 - ✓ Về tiêu chuẩn: đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
 - Là viên chức quản lý Công ty;
 - Giám đốc, Phó Giám đốc các đơn vị trực thuộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Công ty; Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đảng; Phó các Ban Xây dựng đảng;
 - Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty và Công đoàn các đơn vị trực thuộc; Bí thư, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Công ty và Đoàn cơ sở trực thuộc;

- Trưởng văn phòng; Đội trưởng, Đội phó; các Trưởng ban, Tổ trưởng;
 - Người lao động có trình độ đại học từ bậc 5/8 trở lên;
 - Công nhân khai thác mủ cao su, công nhân trồng và chăm sóc cây cao su, công nhân chế biến mủ cao su có bậc thợ từ bậc 5/6 trở lên.
- Tổng số lao động của Công ty có trong danh sách tại thời điểm ngày 25/12/2015 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại công ty cổ phần: **1.897** người, trong đó có 364 người đủ điều kiện mua thêm cổ phần theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 232 người. Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 450.800 cổ phần.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 132 người. Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này là 580.000 cổ phần.

4. Phương án xử lý cổ phần không bán hết

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.
- Số lượng cổ phần người lao động trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu.

V. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giả định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá bình quân theo giá khởi điểm là 12.610 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

STT	Nội dung		Số tiền
1	Vốn điều lệ của Công ty cổ phần	(a)	1.125.000.000.000
2	Vốn nhà nước theo giá trị sổ sách kế toán ban đầu	(b)	1.043.258.736.657
3	Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần		731.250.000.000
4	Tiền thu từ cổ phần hóa	(c)	484.028.797.200
4.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		31.733.317.200
4.1.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>		18.734.929.200
4.1.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>		12.998.388.000
4.2	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài và bán cho NĐT chiến lược		452.295.480.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBCNV và bán ra bên ngoài	(d)	393.750.000.000
6	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	(e)=(a)-(b)	81.741.263.343
7	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	(f)	1.279.000.000
8	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	2.520.352.430
9	Phần thặng dư vốn để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ	(h)=[c-(d)-(f)-(g)]*[(e)/(a)]	6.283.501.394
10	Số tiền thu từ CPH dự kiến còn lại nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định	(c)-(e)-(f)-(g)-(h)	392.204.680.033

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty sẽ nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

VI. PHƯƠNG ÁN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN

Sau cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc. Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

✚ **Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự kiến là 05 thành viên (gồm Chủ tịch và 04 thành viên).

✚ **Ban kiểm soát**

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát dự kiến là 03 thành viên (gồm Trưởng ban và 02 thành viên).

✚ **Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc**

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty có các Phó Tổng giám đốc.
- Số lượng Ban Tổng giám đốc dự kiến là 4 thành viên (gồm Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc).

✚ **Kế toán trưởng**

- Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

✚ **Các phòng ban chức năng**

- Phòng Tổ chức – Hành chính
- Phòng Tài chính – Kế toán
- Phòng Kế hoạch và Xây dựng cơ bản
- Phòng Kỹ thuật
- Phòng Thanh tra – Bảo vệ
- Văn phòng đại diện
- Văn Phòng Đảng.

Các chi nhánh của Công ty cổ phần

- Nông trường Xà bang
- Nông trường Bình ba
- Nông trường Cù bị
- Xí nghiệp Chế biến cao su
- Khách sạn và Du lịch cao su

Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty cổ phần được thể hiện ở Phụ lục đính kèm

VII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Kế hoạch sắp xếp lao động

Phòng ban và đơn vị	Đơn vị tính	Tại thời điểm Công bố GTDN	Không có nhu cầu sử dụng	Cần sử dụng chuyển sang CTCP
Phòng ban công ty	Người	138	4	134
Xí nghiệp chế biến	Người	179	0	179
Khách sạn và du lịch	Người	26	25	01
Nông Trường Xà Bang	Người	478	6	472
Nông Trường Cù Bị	Người	596	9	587
Nông Trường Bình ba	Người	527	3	524
Tổng cộng		1.944	47	1.897

2. Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	1.944	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	1.944	
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	1.537	
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	235	
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc 1 công việc nhất định dưới 03 tháng	172	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao	0	

	động của Công ty		
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	47	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ	0	
	a) Hết hạn hợp đồng lao động	0	
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	c) Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	47	
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP	31	
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	16	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	1.897	
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	1.897	
	Số lao động nghỉ hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội	0	
	a) Ốm đau	0	
	b) Thai sản	0	
	c) Tai nạn lao động, nghề nghiệp	0	
2	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	0	
	a) Nghĩa vụ quân sự	0	
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0	
	d) Do 02 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0	

3. Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động không có nhu cầu sử dụng

Lao động trước khi sắp xếp:

- Tổng số lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (25/12/2015): 1.944 người.

Trong đó:

- Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động: 1.944 người
- Số lao động đang ngừng việc: 0 người.
- Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội: 0 người

- Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương: 0 người
- Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động: 0 người.
- Số lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động: 0 người.

✚ Phương án sử dụng lao động:

- Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty sau khi sắp xếp lại: 1.897 người. Trong đó:
- Số lao động tiếp tục sử dụng: 1.897 người.
 - Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng (nếu có): 0 người;
 - Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian (nếu có): 0 người.
- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 0 người.
- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 31 người. Trong đó:
 - Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 22 người.
 - Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 người.
 - Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động: 09 người.
- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 16 người.

✚ Kinh phí dự kiến (thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP và Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH):

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 2.614.611.388 đồng. Trong đó:
 - Thực hiện chế độ đối với số lao động về hưu trước độ tuổi quy định theo khoản 1, 2 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐCP; khoản 1 Điều 4 Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH: 1.699.606.455 đồng.
 - Đóng cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí, tử tuất với số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 đồng;
 - Thực hiện với lao động tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 4, 5 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP; khoản 2 Điều 4 Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH: 751.736.625 đồng.

- Thực hiện chế độ đối với lao động tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 1 Điều 4 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: 168.645.833 đồng.

✚ **Nguồn kinh phí thực hiện**

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 2.619.988.913 đồng. Trong đó:
 - Nguồn từ tiền bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp: 2.451.343.080 đồng
 - Chi phí của doanh nghiệp: 168.645.833 đồng.

4. Kế hoạch đào tạo

Phòng ban và đơn vị	Số lượt đào tạo	Khóa đào tạo	Đơn vị đào tạo	Chi phí đào tạo
Phòng ban công ty	20	Tập huấn phần mềm quản lý văn bản; thạc sỹ kinh tế; lớp cao cấp lý luận chính trị; tập huấn thuế; Huấn luyện công tác VSATLĐ	ĐH Lâm nghiệp. Tập đoàn CNCSVN	30.000.000
Xí nghiệp chế biến	20	Tập huấn nghiệp vụ. ĐH Điện. Tập huấn thuế; Huấn luyện công tác ATVSLĐ	Trường CĐ công đồng. Tập đoàn CNCSVN	30.000.000
Khách sạn và du lịch	10	Tập huấn thuế, tập huấn nghiệp vụ công đoàn; Huấn luyện công tác ATVSLĐ	Cục thuế tỉnh BR-VT, tỉnh BR-VT	10.000.000
Nông Trường Xà Bang	90	Huấn luyện lực lượng hóa học; huấn luyện lực lượng thông tin; huấn luyện lực lượng công binh; huấn luyện lực lượng SMPK; huấn luyện lực lượng quân y; Trung cấp kỹ thuật cao su; tập huấn thuế; Huấn luyện công tác ATVSLĐ; Tập huấn. huấn luyện bộ binh; Huấn luyện súng cối DQTV.	Tập đoàn CNCSVN. CĐ công nghiệp cao su	45.000.000
Nông Trường Cù Bị	85	Huấn luyện lực lượng hóa học; huấn luyện lực lượng thông tin; huấn luyện lực lượng công binh; huấn luyện lực lượng SMPK;	Tập đoàn CNCSVN. CĐ công nghiệp cao su	60.000.000

		huấn luyện lực lượng quân y; Trung cấp kỹ thuật cao su; cao cấp lý luận chính trị; tập huấn thuế; Huấn luyện công tác ATVSLĐ; Tập huấn. huấn luyện bộ binh; Huấn luyện súng cối DQTV.		
Nông Trường Bình ba	70	Huấn luyện lực lượng hóa học; huấn luyện lực lượng thông tin; huấn luyện lực lượng công binh; huấn luyện lực lượng SMPK; huấn luyện lực lượng quân y; Trung cấp kỹ thuật cao su; tập huấn thuế; Huấn luyện công tác ATVSLĐ; Tập huấn. huấn luyện bộ binh; Huấn luyện súng cối DQTV.	Tập đoàn CNCsvn. CD công nghiệp cao su	40.000.000
Tổng cộng	295			215.000.000

VIII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

Phương án sử dụng đất của Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là tiếp tục sử dụng đất đúng mục đích đã kê khai đăng ký. Việc quản lý và sử dụng đất sẽ được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Địa chỉ khu nhà. đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
A ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP							
1	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	459,1	- Quyết định thuê đất số 2399/QĐ-UBND ngày 16/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622461 ngày 24/9/2012	Cầu đổ mù đội 2. Nông trường Cù Bì	Tiếp quản lý sử dụng	Cầu đổ mù đội 2. Nông trường Cù Bì	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	4.177,9	- Quyết định thuê đất số 2400/QĐ-UBND ngày 16/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng đội 4. Nông trường Cù Bì	Tiếp quản lý sử dụng	Văn phòng đội 4. Nông trường Cù Bì	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	28.987,5	- Quyết định thuê đất số 2402/QĐ-UBND ngày 16/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng đội 3. Nông trường Cù Bì	Tiếp quản lý sử dụng	Văn phòng đội 3. Nông trường Cù Bì	Thuê đất trả tiền hàng năm
4	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	22.168,5	- Quyết định thuê đất số 2524/QĐ-UBND ngày 29/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sân bóng đội 1. Nông trường Cù Bì	Tiếp quản lý sử dụng	Sân bóng đội 1. Nông trường Cù Bì	Thuê đất trả tiền hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Địa chỉ khu nhà. đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp theo 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
5	Xã Cù Bì. huyện Châu Đức	29.693,4	- Quyết định thuê đất số 2525/QĐ-UBND ngày 29/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng làm việc. hội trường. cơ xường. sân bóng đá Nông trường Cù Bì	Tiếp quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc. hội trường. cơ xường. bóng đá Nông trường Cù Bì	Thuê đất trả tiền hàng năm
6	Xã Cù Bì. huyện Châu Đức	1.194,1	- Quyết định thuê đất số 2644/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622460 ngày 06/9/2012	Cầu đồ mù đội 1. Nông trường Cù Bì	Tiếp quản lý sử dụng	Cầu đồ mù đội 1. Nông trường Cù Bì	Thuê đất trả tiền hàng năm
7	TT. Ngãi Giao. huyện Châu Đức	23.249,3	- Quyết định thuê đất số 2641/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sân bóng đội 3. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Sân bóng đội 3. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
8	Xã Xuân Sơn. huyện Châu Đức	8.881,6	- Quyết định thuê đất số 2642/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622462 ngày 06/9/2012	Văn phòng làm việc. sân bóng đá đội 4. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc. sân bóng đá đội 4. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Địa chỉ khu nhà. đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
9	Xã Bình Ba. huyện Châu Đức	90.739,8	- Quyết định thuê đất số 2458/QĐ-UBND ngày 21/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng Công ty và văn phòng Nông trường Bình Ba. kho cơ xưởng. hội trường. cầu đồ mủ cao su. kho xăng dầu	Tiếp quản lý sử dụng	Văn phòng Công ty và văn phòng Nông trường Bình Ba. kho cơ xưởng. hội trường. cầu đồ mủ cao su. kho xăng dầu	Thuê đất trả hàng năm
10	Xã Xà Bang. huyện Châu Đức	12.424,3	- Quyết định thuê đất số 2401/QĐ-UBND ngày 16/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622469 ngày 06/9/2012	Văn phòng làm việc. sân bóng đá đội 1. Nông trường Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc. sân bóng đá đội 1. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm
11	Xã Xà Bang. huyện Châu Đức	71.446,2	- Quyết định thuê đất số 2459/QĐ-UBND ngày 21/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng làm việc. cơ xưởng. công viên. vườn ươm Nông trường Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc. cơ xưởng. công viên. vườn ươm Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Địa chỉ khu nhà. đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp theo 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
12	Xã Xà Bang. huyện Châu Đức	456.268,3	- Quyết định thuê đất số 2526/QĐ-UBND ngày 29/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622357 ngày 24/9/2012	Công viên hoá Bà Sen. Nông trường Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Công viên văn hoá Bà Sen. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm
13	Xã Quảng Thành. huyện Châu Đức	23.870,0	- Quyết định thuê đất số 2643/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622463 ngày 24/9/2012	Văn phòng làm việc. sân bóng đá đội 5. Nông trường Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc. sân bóng đá đội 5. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm
14	Xã Quảng Thành. huyện Châu Đức	12.903,4	- Quyết định thuê đất số 2949/QĐ-UBND ngày 29/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Hồ chứa nước tái sử dụng. Nhà Máy Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Hồ chứa nước tái sử dụng. Nhà Máy Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm
15	Xã Quảng Thành. huyện Châu Đức	72.011,1	- Quyết định thuê đất số 2639/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số MB 510240 ngày 07/3/2013	Nhà máy Chế biến mùn cao su Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Nhà máy Chế biến mùn cao su Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỎ PHÂN HÓA

TT	Địa chỉ khu nhà. đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
16	108 đường Võ Thị Sáu. P.2. TP Vũng Tàu	33.487,7	- Quyết định thuê đất số 8527/QĐ-UB ngày 24/10/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số R 545230 ngày 02/5/2003	Khách sạn Du Lịch Cao Su	Tiếp quản lý sử dụng	Khách sạn Du Lịch Cao Su	Thuê đất trả tiền hàng năm
Cộng diện tích đất phi nông nghiệp							
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP						
I	DIỆN TÍCH ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THUÊ ĐẤT						
1	Xã Bàu Chinh. huyện Châu Đức	2.517.824	- Quyết định thuê đất số 1128/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037413 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Xã Bình Ba. huyện Châu Đức	15.161.939	- Quyết định thuê đất số 1135/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037435 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	Xã Cù Bì. huyện Châu Đức	37.164.191	- Quyết định thuê đất số 1131/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND	Đất trồng cao su. Nông trường Cù	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông	Thuê đất trả tiền

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Địa chỉ khu nhà. đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
			tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037475 ngày 01/02/2007	Bị	dùng	trường Cù Bị	hàng năm
4	Xã Cù Bị, huyện Châu Đức	333.523	- Quyết định thuê đất số 5219/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AP 878493. AP 878328. AP 878489 ngày 20/11/2009	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Thuê đất trả tiền hàng năm
5	Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức	476.403	- Quyết định thuê đất số 1133/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037408 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
6	Xã Kim Long, huyện Châu Đức	766.685	- Quyết định thuê đất số 5220/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AP 878479. AP 878480. AP 878481 ngày 29/9/2009	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
7	Xã Kim Long, huyện Châu Đức	715.887	- Quyết định thuê đất số 1130/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037402 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Địa chỉ khu nhà. đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp theo 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
8	Xã Quảng Thành. huyện Châu Đức	4.026.840,8 (giảm 18.351,2 m ² so với năm 2014)	- Quyết định thuê đất số 5221/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AP 878478. AP 878483. 878484. AP 878485. AP 878486. AP 878488 ngày 20/11/2009	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm
9	Xã Quảng Thành. huyện Châu Đức	6.831.572	- Quyết định thuê đất số 1132/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037434 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm
10	TT. Ngãi Giao. huyện Châu Đức	2.222.606	- Quyết định thuê đất số 1129/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037406 ngày 01/02/2009	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả hàng năm
11	Xã Xà Bang. huyện Châu Đức	3.761	- Quyết định thuê đất số 5218/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AP 878482 ngày 01/10/2009	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm
12	Xã Xà Bang. huyện Châu Đức	11.099.596	- Quyết định thuê đất số 1134/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037409	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Địa chỉ khu nhà. đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp theo 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
			ngày 01/02/2007			Bang	năm
13	Xã Xuân Sơn. huyện Châu Đức	3.163.001	- Quyết định thuê đất số 1136/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037407 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Ba	Thuê đất trả hàng năm
Tổng diện tích đã có QĐTD		84.483.828,8	(giảm 18.351,2 m ² so với năm 2014)				
II DIỆN TÍCH CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH THUÊ ĐẤT							
1	Xã Bàu Chinh. huyện Châu Đức	9.698,1	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Ba	Thuê đất trả hàng năm
2	Xã Bình Ba. huyện Châu Đức	242.339,9	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Ba	Thuê đất trả hàng năm
3	Xã Cù Bị. huyện Châu Đức	384.817,9	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Thuê đất trả hàng năm
4	Xã Quảng Thành. huyện Châu Đức	548.821,8	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Xà	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà	Thuê đất trả hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Địa chỉ khu nhà. đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
				Bang	dụng	trường Bang	Xà hàng năm
5	TT. Ngã Giao. huyện Châu Đức	2.006,5	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. trường Ba	Thuê đất trả hàng năm
6	Xã Xà Bang. huyện Châu Đức	160.770,8	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. trường Bang	Thuê đất trả hàng năm
7	Xã Xà Bang. huyện Châu Đức	78.488,0	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. trường Cù Bị	Thuê đất trả hàng năm
8	Xã Xuân Sơn. huyện Châu Đức	43.151,9	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. trường Ba	Thuê đất trả hàng năm
Cộng diện tích chưa có QĐTD		1.470.094,9					
Cộng diện tích đất NN		85.953.923,7					
C	TỔNG DIỆN TÍCH	86.845.885,9					

IX. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SXKD SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Định hướng, mục tiêu và chiến lược phát triển sau cổ phần hóa

1.1. Định hướng

- Xây dựng Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

1.2. Mục tiêu

- Xây dựng Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

1.3. Chiến lược tổng thể

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh toàn diện trong lĩnh vực cao su.

- **Về sản phẩm:** Phát triển đa dạng hóa sản phẩm. Ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ thuật cao. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm mà Công ty có tiềm năng và lợi thế.
- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn

lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn hơn.

- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.
- **Về đầu tư:** Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

2. Về nguồn nhân lực:

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2015	2016	2017	2018
I. Khối lượng sản phẩm chính					
1. Diện tích - năng suất					
1.1 Tổng diện tích, trong đó:		8.542,86	8.535,83	8.535,83	8.535,83
- Diện tích CS.Kthác và C.sóc					
+ Diện tích cao su khai thác		3.930,45	3.629,48	4.633,82	5.022,78
+ Diện tích cao su KTCB		4.612,41	4.611,01	3.483,96	3.102,01
+ Diện tích cao su tái canh		242,51	295,34	418,05	411,04
- Diện tích cao su thanh lý		242,51	295,34	418,05	411,04
1.2. Năng suất		1,7	1,74	1,68	1,69
2. Sản lượng		7.300	7.000	8.550	9.300

2.1 Cao su khai thác	tấn	6.700	6.300	7.800	8.500
2.2 Cao su thu mua	tấn	600	700	750	800
3. Cao su chế biến	tấn	12.900	12.600	14.150	14.900
+ CV 50, 60	tấn	6.100	6.550	7.250	7.550
+ SVR 3L, 5	tấn	5.000	4.490	5.040	5.350
+ SVR 10, 20	tấn	1.800	1.560	1.860	2.000
4. Tồn kho đầu kỳ		2.196	1.896	1.896	1.896
5. Cao su tiêu thụ	tấn	7.600	7.000	8.550	9.300
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	2.100	2.500	3.000	3.500
+ Nội tiêu	tấn	5.500	4.500	5.550	5.800
<i>5.1 Mủ cao su khai thác</i>	<i>tấn</i>	<i>7.000</i>	<i>6.300</i>	<i>7.800</i>	<i>8.500</i>
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	2.100	2.500	3.000	3.500
+ Nội tiêu	tấn	4.900	3.800	4.800	5.000
<i>5.2 Mủ cao su thu mua</i>	<i>tấn</i>	<i>600</i>	<i>700</i>	<i>750</i>	<i>800</i>
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	-			
+ Nội tiêu	tấn	600	700	750	800
6. Tồn kho cuối kỳ	tấn	1.896	1.896	1.896	1.896
7. Giá bán bình quân	Triệu đồng	31.500	26.000	30.000	33.000
+ Xuất khẩu và UTXK	Triệu đồng	31.587	26.882	31.087	33.649
+ Nội tiêu	Triệu đồng	31.374	25.510	29.413	32.609
II. Doanh thu và lợi nhuận					
II.1 Tổng doanh thu	Triệu đồng	269.008	232.108	317.608	367.708
II.1.1. Doanh thu cao su	Triệu đồng	239.400	182.000	256.500	306.900
1.1 Doanh thu cao su khai thác	Triệu đồng	220.500	163.800	234.000	280.500
+ Xuất khẩu và UTXK	Triệu đồng	85.050	65.000	90.000	115.500

+ Nội tiêu	Triệu đồng	135.450	98.800	144.000	165.000
1.2 Doanh thu cao su thu mua	Triệu đồng	18.900	18.200	22.500	26.400
+Nội tiêu	Triệu đồng	18.900	18.200	22.500	26.400
II.1.2. Thanh lý vườn cao su	Triệu đồng	-	23.500	33.400	32.880
II.1.3. Sản phẩm khác	Triệu đồng	26.660	25.660	26.760	26.680
II.1.4. Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	948	948	948	1.248
II.1.5. Doanh thu hoạt động khác	Triệu đồng	-	-	-	-
II.2. Tổng chi phí	Triệu đồng	266.883	207.131	270.811	317.429
1. Cao su					
1.1. Giá thành tiêu thụ mủ cao su	Triệu đồng	31.095	25.753	28.333	31.093
- Mủ cao su khai thác	Triệu đồng	31.078	25.756	28.196	30.952
- Mủ cao su thu mua	Triệu đồng	31.297	25.723	29.763	32.597
1.2. Chi phí cao su	Triệu đồng	236.323	180.271	242.251	289.169
- Mủ cao su khai thác	Triệu đồng	217.545	162.264	219.928	263.091
- Mủ cao su thu mua	Triệu đồng	18.778	18.006	22.322	26.078
2. Vườn cao su thanh lý	Triệu đồng		1.500	1.500	1.500
3. Sản phẩm khác	Triệu đồng		24.460	25.260	25.160
4. CP hoạt động tài chính	Triệu đồng	2.900	900	1.800	1.600
5. Hoạt động khác	Triệu đồng	27.660	-	-	-
II.3 Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.124	24.977	46.797	50.279
1. Cao su	Triệu đồng	3.076	1.729	14.249	17.731
- Mủ cao su khai thác	Triệu đồng	2.954	1.536	14.072	17.409
- Mủ cao su thu mua	Triệu đồng	121	194	178	322
2. Vườn cao su thanh lý	Triệu đồng				

			22.000	31.900	31.380
3. Sản phẩm khác	Triệu đồng	(1.000)	1.729	14.249	17.731
4. Hoạt động tài chính	Triệu đồng	(1.952)	48	(852)	(352)
5. Hoạt động khác	Triệu đồng	2.000	-	-	-
6. Chi phí phân bổ sau định giá	Triệu đồng	-	-	-	-
II.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	942	2.657	4.909	5.304
II.5 Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.184	22.321	41.888	44.976
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	Triệu đồng	355	2.232	4.189	4.498
+ Trích quỹ Ban QLDH	Triệu đồng	220	147	147	147
+ Quỹ khen thưởng, Phúc lợi (10%)	Triệu đồng	608	2.232	4.189	4.498
+ Chia cổ tức	Triệu đồng	-	1,5%	2%	2,5%
+Số tiền chia cổ tức	Triệu đồng	-	16.875	22.500	28.125
II.6 Nộp ngân sách (số phải nộp)	Triệu đồng	14.505	15.078	19.788	21.144
III. Nhu cầu vốn đầu tư	Triệu đồng	154.661	80.757	74.678	85.584
+ Đầu tư XDCB	Triệu đồng	56.978	54.757	58.678	56.584
- Xây lắp	Triệu đồng	38.058	35.768	39.981	39.069
Trong đó: Xây lắp nông nghiệp	Triệu đồng	36.780	33.408	37.349	36.437
- Thiết bị	Triệu đồng	327	1.560	1.560	3.120
- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	16.593	15.928	15.637	14.396
+ Trả nợ vay	Triệu đồng	15.000	26.000	16.000	29.000
IV. Tiền lương					
- Lao động	Người	2.167	1.723	1.946	2.043
- Tổng quỹ lương	Triệu đồng	130.366	85.413	116.118	133.909
- Lương bình quân (tháng)	Trđ/ người	5,01	4,13	4,97	5,46

3. Giải pháp thực hiện

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2016-2018 đã đề ra, Công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

3.1. Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm

✚ Về tiếp thị

- Trang bị kiến thức tiếp thị cần thiết cho các cán bộ quản lý. Đào tạo kiến thức kinh tế kỹ thuật tổng hợp cho cán bộ tiếp thị.
- Củng cố mối quan hệ bền vững với khách hàng, đẩy mạnh và tăng cường công tác Marketing và tiêu thụ đối với các thị trường có nhu cầu lớn về cao su.

✚ Về sản phẩm, thị trường

- Đầu tư sản xuất, kinh doanh chuyên sâu về các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần trong những năm vừa qua.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch mở rộng thị trường, phát huy mọi nguồn lực của Công ty, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để từng bước tiếp cận thị trường quốc tế.
- Tập trung xúc tiến, tiếp cận các dự án ở các địa bàn chiến lược quan trọng trong phạm vi cả nước; tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng.

✚ Phân khúc thị trường riêng cho từng sản phẩm

- Phân chia thị trường ra từng nhóm cụ thể để có cách tiếp cận từng loại sản phẩm cho phù hợp.
- Hướng tới sẽ đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm SVR CV để cải thiện giá bán và tránh phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Có thể mở rộng vào thị trường Châu Âu, Nhật Bản hoặc các nước như Ấn Độ, Srilanka...
- Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đối với ngành cao su; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm trên thị trường xuất khẩu. Mở rộng thị trường, thúc đẩy các dự án và ưu đãi trong đầu tư nhằm phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm cao su để nâng cao giá trị gia tăng cũng như đa dạng hóa các sản phẩm của ngành. Khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư để mở rộng các nhà máy công nghiệp chế biến sản phẩm gần vùng nguyên liệu.

3.2. Nhóm giải pháp về đầu tư



Đầu tư thiết bị

- Tiến hành rà soát lại số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có, đối chiếu với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để xác định nhu cầu và đẩy mạnh đầu tư mới thiết bị.
- Xây dựng định hướng đầu tư thiết bị mang tính đổi mới công nghệ, chú trọng công nghệ của các nước phát triển. Lập dự án đầu tư thiết bị trên cơ sở dữ liệu tin cậy, vừa mang tính khoa học vừa mang tính thực tiễn cao, thông qua việc khảo sát nhu cầu thực tế, khả năng phát huy tính năng công suất, có tính đến đầy đủ các yếu tố bất lợi, tình hình bảo hành, hướng dẫn kỹ thuật để xác định hiệu quả đầu tư. Thông qua việc đầu tư, đổi mới phương tiện thiết bị, Công ty sẽ tiếp cận được những thiết bị hiện đại, theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Công tác đầu tư ngoài ngành được thực hiện đúng theo quy định và xác định mục tiêu trọng tâm đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan đến ngành nghề chính của đơn vị.
- Tăng tỷ lệ vay dài hạn trong cơ cấu vốn vay. Sử dụng vốn khấu hao đối với các dự án đã triển khai; đình, hoãn tiến độ đầu tư của các dự án chưa cấp thiết để đảm bảo cân đối nguồn vốn của toàn Tập đoàn. Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án xây dựng cơ bản, đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, thiết yếu phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở tiết kiệm tối đa chi phí. Tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả các dự án xây dựng cơ bản đã đầu tư.



Đầu tư công nghệ và kiểm soát chất lượng sản phẩm

- Trong cơ chế thị trường, công nghệ là hàng hóa đặc biệt, nó sẽ giúp tạo ra đột phá trong việc giảm giá thành, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian sản xuất mang lại lợi thế to lớn trong việc giảm giá thành, Công ty tăng cường đầu tư về công nghệ để sở hữu công nghệ mới thông qua các hợp đồng mua bản quyền, hoặc chuyển giao công nghệ sản xuất có áp dụng công nghệ mới tiên tiến.
- Đối với công nghệ chuyển giao qua các hợp đồng mua sắm thiết bị, được cập nhật đầy đủ nội dung theo quy trình, khai thác cao nhất các yếu tố liên quan của công nghệ.
- Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng công nghệ trên cơ sở phân loại công nghệ theo tuổi đời và giá trị (Giá trị sử dụng và giá cả) của công nghệ; thực hiện chế độ bảo mật với công nghệ do Công ty sở hữu.

- Thực hiện quy trình kỹ thuật phù hợp và linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với Viện nghiên cứu cao su để đưa các ứng dụng mới về khai thác, chăm sóc, bảo vệ thực vật vào sản xuất để rút ngắn thời gian KTCB, tăng năng suất vườn cây, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Từng bước áp dụng chế độ cạo d/4 để tăng năng suất lao động, tăng tiền lương công nhân
- Tăng cường công tác thu mua nhằm đảm bảo thu mua và tạo thu nhập cho người lao động.
- Tăng cường công tác quản lý trồng mới, chăm sóc và khai thác vườn cây cao su đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật. Đảm bảo chất lượng nguyên liệu từ vườn cây đến nhà máy. Đầu tư thâm canh vườn cây hợp lý từ khâu chăm sóc, bón phân đến bảo vệ thực vật. Tìm tòi, học tập, cập nhật, áp dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến trong việc trồng mới chăm sóc vườn cây tái canh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương làm tốt công tác phòng chống mất cắp mũ, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn Công ty trú đóng.
- Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư và đổi mới công nghệ hiện đại, cải tiến kỹ thuật, tăng cường kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu tuyển chọn nguyên liệu, chế biến, bảo quản lưu kho nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Điều chỉnh tỷ trọng chế biến theo hướng tăng chủng loại sản phẩm có nhu cầu của thị trường cao hơn, có giá trị gia tăng nhiều hơn.

Đầu tư thông qua việc liên doanh, liên kết

- Để tạo ra sự cạnh tranh hợp lý trong chiến lược kinh doanh. Công ty thường xuyên tìm kiếm các đối tác trong nước và nước ngoài để hợp tác liên doanh, liên kết nhằm tận dụng được kinh nghiệm sẵn có của đối tác để hình thành một liên danh có sức mạnh tổng hợp và có ưu thế trong sản xuất kinh doanh.

3.3. Nhóm giải pháp về vốn, tài chính

Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính

- Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Công ty sẽ phát huy các nguồn vốn sau để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ.
- Thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính của Công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh khi cần thiết.

- Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính; tiếp tục đề nghị bảo lãnh và vay vốn thực hiện các dự án có lợi nhuận cao.
- Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Điều chuyển nội bộ để sử dụng hợp lý hơn; thanh lý, bán bớt những máy móc thiết bị không còn phù hợp; cho thuê và tự khai thác để đạt hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.
- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con.
- Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán, công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn và pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công khai và minh bạch.

Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí

- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...
- Rà soát định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe điều hành, xây dựng lại quy trình điều động xe đi công tác khoa học, hợp lý, tiết kiệm, không bị chồng chéo. Hạn chế đầu tư xe điều hành khi không cần thiết.
- Hạn chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách và các chi phí gián tiếp khác...
- Hạn chế, tiết kiệm chi phí đi công tác (giảm chi phí vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ...). Đi công tác bằng hình thức, phương tiện theo hướng tiết kiệm.
- Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả.
- Rà soát bảo trì, bảo quản thiết bị, xe điều hành; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa...
- Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan, chúc mừng...chưa thực sự cần thiết và chi tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

3.4. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ

- Công ty tiếp tục tổ chức nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ, tiếp cận với các công nghệ tiên tiến trên thế giới. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị tăng cường phát huy nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và khoa học công nghệ, Thường xuyên tổng kết đánh giá và khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân tập thể có thành tích và nhân rộng ra toàn Công ty.
- Thường xuyên phát động phong trào thi đua, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ với chỉ tiêu rõ ràng. Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kịp thời và có phần thưởng xứng đáng cho các công trình, tác phẩm trên nguyên tắc trân trọng, đánh giá đúng mức và khen thưởng kịp thời dù các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất có giá trị nhỏ để động viên được các tập thể, cá nhân phát huy tính sáng tạo làm lợi cho Công ty. Đưa công tác nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào tiêu chuẩn xét chọn các danh hiệu thi đua.
- Tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc ứng dụng từng công nghệ mới, có phương hướng tổ chức cải tiến hoàn thiện hơn để có thể triển khai sản xuất đại trà và phổ biến

3.5. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực

Việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng nhân sự gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

Về phân công lao động hợp lý

- Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên, Việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên.
- Xây dựng bảng mô tả công việc cho từng chức danh công việc. Trên cơ sở đó, Công ty sắp xếp, bố trí, sử dụng đúng khả năng, phù hợp với nguyện vọng, năng lực và tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên nâng cao trình độ, phát huy hết khả năng của mình. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.

Thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên

- Định kỳ hàng năm, Công ty tiến hành định biên nhân sự bao gồm cán bộ quản lý và nhân viên lao động gián tiếp. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Tiến hành định biên nhân sự ở từng phòng, ban sao cho phù hợp, đảm bảo bộ máy quản lý gọn nhẹ và hiệu quả cao; sau đó thực hiện việc định biên nhân sự tại các đơn vị phụ thuộc Công ty.

Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động

Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:

- Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.
- Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được cống hiến và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động. Thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tạo sân chơi lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần trong CB-CNV. Tăng cường hơn nữa công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống các loại dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, nhất là đối với những người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, có sáng kiến cải tiến công cụ, phương pháp làm việc. Xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của Công ty

Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy

đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Công ty xem xét thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh.
- Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm.
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, Công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường, Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Công ty.
- Chú trọng việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin vào công tác quản lý nguồn nhân lực, tổ chức sắp xếp lại lao động giảm tỉ lệ quản lý, nhất là việc áp dụng phần mềm vào công tác quản lý kế toán, tiền lương, vườn cây nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty trước tình hình mới.
- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.
- Công ty có biện pháp hỗ trợ nguồn nhân lực tại các công ty thành viên và nâng cao chất lượng đào tạo lao động nhằm xây dựng một lực lượng lao động chuyên nghiệp.



Thu hút và sử dụng nhân tài

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài từ bên ngoài vào Công ty

- Xây dựng chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khuyến khích khác như bổ nhiệm, giao nhiệm vụ quan trọng, phương tiện đi lại... để thu hút chuyên gia trình độ cao và nhân tài.
- Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, loại giỏi chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển; người có bằng thạc sĩ tuổi đời dưới 30, tiến sĩ tuổi đời dưới 35, chuyên gia trình độ cao có chuyên ngành đào tạo thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Công ty; công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

Thực hiện kế hoạch sử dụng nhân tài của Công ty

- Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh.
- Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài, Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những công trình nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao.
- Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, nhân lực chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:
 - Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
 - Được ưu tiên tạo điều kiện về phương tiện làm việc, nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ.
 - Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Công ty.

3.6. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp



Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ

- Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:
 - Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Quan hệ nội bộ Công ty.
 - Quan hệ giữa Công ty với các công ty thành viên.
 - Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

- Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.
- Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:
 - Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.

- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.
- Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.
- Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.
- Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Công ty.

3.7. Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy

Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy giúp việc

Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:

- Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của Công ty.

X. PHƯƠNG ÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG TẬP TRUNG

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 Mục 3 Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước:

“a) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này trong thời hạn tối đa 1 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.”

Công ty dự kiến sẽ đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu và đưa cổ phiếu giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp, sau khi xem xét, nếu đủ điều kiện niêm yết, Công ty sẽ làm thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

XI. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ RỦI RO DỰ KIẾN

1. Khó khăn

Dự báo thị trường chứng khoán còn rất khó khăn, mặt khác sự suy giảm trong tiêu dùng của người dân dẫn đến cổ phiếu của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cao su nói chung không còn hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Thời điểm này, giá cổ phiếu các doanh nghiệp cao su đang giảm sâu so với trước đây. Do vậy, rủi ro của đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty khá lớn. Trường hợp, cuộc bán đấu giá cổ phần ra công chúng không thành công, Công ty sẽ xin điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ, chờ thời điểm thích hợp báo cáo cấp có thẩm quyền tiếp tục chào bán cổ phần.

2. Rủi ro dự kiến

3.1. Rủi ro kinh tế

Trong kinh tế thị trường, Công ty cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, tổng cầu suy giảm, nhu cầu chi tiêu của người dân chưa khả quan. Trong những năm vừa qua, kinh tế Việt Nam đã phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Do vậy, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng đã bị ảnh hưởng rất lớn. Hiện nay, mặc dù kinh tế thế giới và trong nước đã có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên, tình hình khó khăn chung cũng còn ảnh hưởng đến Công ty trong giai đoạn đầu khi chuyển sang công ty cổ phần.

3.2. Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sự thay đổi này có thể mang đến thuận lợi hay bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Về hình thức pháp lý và tổ chức quản lý doanh nghiệp: Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển sang loại hình công ty cổ phần. Do đó, Công ty sẽ gặp một số trở ngại nhất định từ việc chuyển đổi này. Tuy nhiên, do đã có quá trình hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV cùng theo quy định của Luật Doanh nghiệp nên Công ty sẽ nhanh chóng thích ứng với sự chuyển đổi loại hình công ty này. Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ tiếp tục cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3.3. Rủi ro khác

Thiên tai, dịch họa, các yếu tố tự nhiên bất lợi như mưa to, gió bão.... cũng là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Stt	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Nhận quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng	T+1 đến T+54
2.1	Xây dựng hồ sơ công bố thông tin bán đấu giá	T+1 đến T+5
2.2	Làm việc với HOSE về công tác chuẩn bị	T+6
2.3	Đăng ký tổ chức việc bán đấu giá qua HOSE, ký hợp đồng với HOSE	T+7
2.4	Hose thông báo đăng ký làm đại lý của tổ chức thực hiện đấu giá	T+8 đến T+9
2.5	Hose Xây dựng quy chế đấu giá bán cổ phần, mẫu biểu đăng ký	T+10 đến T+11
2.6	Đăng báo và công bố thông tin về bán đấu giá trên 3 số báo TW và địa phương	T+12 đến T+18
2.7	Tổ chức Roadshow giới thiệu cơ hội đầu tư (nếu có)	T+20
2.8	Tổ chức nhận đơn đăng ký tham gia, thu tiền đặt cọc của Nhà đầu tư, nhận phiếu đấu giá....	T+14 đến T+40
2.9	HOSE tổ chức buổi bán đấu giá, lập biên bản và công bố kết quả đấu giá	T+42
2.10	Hose gửi thông báo kết quả đấu giá cho nhà đầu tư	T+43
2.11	Thực hiện thu tiền mua cổ phần của nhà đầu tư trúng đấu giá	T+44 đến T+54
2.12	Hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư không trúng	T+44 đến T+49
2.13	Các đại lý đấu giá chuyển tiền mua cổ phần của nhà đầu tư tham gia mua đấu giá cổ phần cho HOSE	T+49 đến T+51
2.14	Thanh toán phí tổ chức bán đấu giá cổ phần cho HOSE	T+52
2.15	HOSE chuyển tiền bán đấu giá cổ phần lần đầu vào tài khoản phong tỏa của Công ty và danh sách nhà đầu tư mua cổ phần cho Công ty.	T+ 53 đến T+54
3	Tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	T+45 đến T+75
3.1	Gửi văn bản và yêu cầu nhà đầu tư chiến lược đặt cọc 10% giá trị cổ phần được mua.	T+45 đến T+50
3.2	Ban chỉ đạo CPH thực hiện thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc tổ chức đấu giá (đối với trường hợp đấu giá)	T+50 đến T+60
3.3	Báo cáo kết quả đàm phán Tập đoàn Cao su Việt Nam/Ban chỉ đạo trong trường hợp Tập đoàn Cao su Việt Nam/ Ban chỉ đạo được ủy quyền phê duyệt.	T+60 đến T+65
3.3	Ký hợp đồng mua/bán cổ phần với nhà đầu tư chiến lược.	T+65 đến T+70

Stt	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
3.4	Nhà đầu tư chiến lược thực hiện nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa do Công ty cung cấp.	T+70 đến T+75
4	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho người lao động	T+45 đến T+65
4.1	Thông báo về việc nộp tiền mua cổ phần cho người lao động theo danh sách đã được phê duyệt theo phương án.	T+45 đến T+50
4.2	Người lao động thực hiện nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa của Công ty. Cung cấp chứng từ cho Tổ Giúp việc xác nhận việc nộp tiền mua cổ phần của người lao động.	T+51 đến T+60
4.2	Công ty tổng hợp và lập danh sách người lao động chính thức mua cổ phần	T+61 đến T+65
5	Công ty tổng hợp kết quả đợt chào bán. Báo cáo Ban chỉ đạo kết quả chào bán	T+59
6	Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có)	T+60 đến T+64
7	Chủ sở hữu cử người làm đại diện quản lý phần vốn nhà nước	T+65 đến T+67
8	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	T+68 đến T+85
9	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc	T+86
10	Thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh, xin cấp con dấu mới.	T+87 đến T+90
11	Thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa; Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách cho công ty cổ phần	T+91 đến T+120

VI. KẾT LUẬN

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, kính đề nghị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định của Nhà nước. *Minh*

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 11 tháng 12 năm 2015

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo CPH;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Chánh
Phạm Văn Chánh

